

## Lời nói đầu

*Trong những năm gần đây, vấn đề phản biện xã hội đã dấy lên những tranh luận sôi nổi trong các diễn đàn chính trị và xã hội. Đa số đều cho rằng hoạt động này là cần thiết và cần được tạo điều kiện để phát triển. Tuy nhiên, câu hỏi phản biện xã hội là gì và vì sao hoạt động phản biện xã hội tại Việt Nam cần được quan tâm vẫn chưa được trả lời một cách thấu đáo.*

*Để có thêm thông tin tham khảo về vấn đề này, Trung tâm Thông tin Khoa học – Viện nghiên cứu lập pháp xin cung cấp một số quan điểm xung quanh chủ đề phản biện xã hội.*

*Hy vọng tài liệu sẽ đáp ứng phần nào nhu cầu tham khảo của quý vị đại biểu Quốc hội.*

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>I- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</b> .....	<b>3</b>
1. NHU CẦU KHÁCH QUAN CỦA CUỘC SỐNG XÃ HỘI .....	3
2. KHÁI NIỆM .....	4
<b>II. PHẢN BIỆN XÃ HỘI LÀ MỘT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC</b> .....	<b>6</b>
1. TÍNH KHOA HỌC CỦA PHẢN BIỆN XÃ HỘI .....	6
2. TỪ PHẢN BIỆN ĐẾN PHẢN ĐỐI .....	9
3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHẢN BIỆN XÃ HỘI TRỞ THÀNH MỘT HOẠT ĐỘNG CÓ CHẤT LƯỢNG KHOA HỌC .....	10
<b>III- THIẾT CHẾ PHẢN BIỆN XÃ HỘI</b> .....	<b>13</b>
1. XÃ HỘI DÂN SỰ VỚI VAI TRÒ PHẢN BIỆN VÀ VAI TRÒ TRỌNG TÀI .....	13
2. NHÀ NƯỚC VỚI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI .....	15
3. PHẢN BIỆN XÃ HỘI – NHÂN TỐ QUAN TRỌNG CỦA PHÁT TRIỂN.....	26
<b>IV. VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG TRONG XÃ HỘI</b> .....	<b>31</b>
1. PHẢN BIỆN XÃ HỘI- HÌNH THỨC PHỐI HỢP GIỮA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VỚI NHÀ NƯỚC.....	31
2. VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ TRONG THIẾT CHẾ PHẢN BIỆN XÃ HỘI .....	35
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>40</b>

## I- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### 1. Nhu cầu khách quan của cuộc sống xã hội

Phản biện là một hoạt động diễn ra hàng ngày. Phản biện là một nhu cầu của cuộc sống bởi nhờ có nó con người có thể loại bỏ những yếu tố sai để tiệm cận tới sự hợp lý trong các quyết định, các hành vi của mình. Trong khoa học, phản biện cũng là một trong những cách thức chủ yếu để các nhà nghiên cứu tiệm cận tới các chân lý khoa học. Còn trong đời sống xã hội phản biện là một công cụ không thể thiếu để tổ chức ra một xã hội dân chủ. Phản biện xã hội là một vấn đề hoàn toàn không mới, loài người đã làm quen với khái niệm này từ rất sớm và biến nó trở thành công cụ hữu hiệu để tạo ra nền dân chủ, tạo sự phát triển về chính trị của nhiều quốc gia tiên tiến. Trong thời đại ngày nay, phản biện xã hội vẫn là một trong những vấn đề hệ trọng, là đối tượng cần nghiên cứu, nhất là đối với các quốc gia đi sau, các quốc gia đang phấn đấu cho nền dân chủ.

Phản biện, tự phản biện là cách để cuộc sống diễn ra, cuộc sống đi lên. Coi trọng phản biện, sẽ có được phản biện xã hội có tổ chức, giúp ích lớn cho ổn định và phát triển; ngược lại, tránh né phản biện xã hội, kết quả là nhận được phản biện xã hội tự phát - mảnh đất thuận lợi để hình thành tâm thế phản kháng xã hội.

Nhưng áp dụng điều tự nhiên ấy vào cuộc sống xã hội, vào quản lý xã hội lại là việc không đơn giản. Thực ra phản biện xã hội nghiêm túc, đúng đắn khác hẳn với phản bác, mặc dù có thể bao gồm phản bác trong những trường hợp đặc biệt, nhưng điểm quan trọng nhất: Phản biện nhằm rà soát, khẳng định, bổ sung, đề xuất giải pháp đúng để thực hiện các mục tiêu xã hội thống nhất. Tuy nhiên, sự lo lắng thái quá chuyện phản biện xã hội dẫn đến phản kháng, gây mất ổn định, trong đa số các trường hợp xuất phát từ suy nghĩ chủ quan của người, của cấp đang có quyền lực.

Thực hành dân chủ bao giờ cũng mất thời gian, mất công sức hơn là quyết định một chiều. Cái hay duy nhất của dân chủ là tránh được sự độc đoán, quan liêu. Mà độc đoán, quan liêu sớm muộn đem lại những khốc hại khôn lường.

Cách diễn đạt, khái niệm có thể khác, nhưng tinh thần và cội rễ của vấn đề không có gì khác với những yêu cầu Bác Hồ đã đòi hỏi rất sớm, khi chính quyền công nông của ta chỉ 1 - 2 tuổi đời - đó là phê bình, tự phê bình, tự chỉ trích để tiến bộ. Còn trước đó, Lênin đã kêu gọi công nhân dùng tổ chức công đoàn để đấu tranh với chính Nhà nước xô viết của mình, nhằm giữ cho nhà nước ấy khỏi mắc căn bệnh quan liêu. Vậy mà giờ đây

còn có sự rụt rè khi đề cập đến phản biện xã hội, còn có sự né tránh với khái niệm xã hội dân sự (thiếu cái thứ hai này phản biện xã hội sẽ rất nghèo nàn).

Rõ ràng, đã đến lúc phản biện xã hội phải thành nguyên tắc trong quá trình chuẩn bị và thông qua các quyết định liên quan đến cuộc sống, quyền lợi của đông đảo mọi người.

## 2. Khái niệm

Theo từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học do nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học phát hành năm 2000 thì phản biện là một động từ với nội hàm: “đánh giá chất lượng một công trình khoa học khi công trình được đưa ra bảo vệ để lấy học vị trước hội đồng chấm thi”.

“Phản biện là nhận xét và đánh giá về một công trình khoa học (luận án, luận văn, khoá luận hoặc kết quả nghiên cứu khoa học của một đề tài, một chương trình nghiên cứu... ). Người (hay cơ quan) phản biện nhận định về tính cấp thiết và ý nghĩa của đề tài, nội dung và hình thức thể hiện của công trình khoa học, phương pháp nghiên cứu, kết luận, đóng góp, hạn chế... cuối cùng đánh giá chung là đạt hay không đạt những yêu cầu đề ra, xếp loại...<sup>1</sup>

“Phản biện xã hội là sự phản biện nói chung, nhưng có quy mô và lực lượng rộng rãi hơn của xã hội, của nhân dân, và các nhà khoa học về nội dung, phương hướng, chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục, y tế, môi trường, trật tự an ninh chung toàn xã hội của Đảng, Nhà nước và các tổ chức liên quan.

Phản biện xã hội là phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, ý thức trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia quản lý Nhà nước... nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phản biện xã hội là nhu cầu cần thiết và đòi hỏi bắt buộc của quá trình lãnh đạo và điều hành đất nước, khắc phục tệ quan liêu... ”<sup>2</sup>

Nghị quyết đại hội X của Đảng đã chỉ rõ: “Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ”.<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Từ điển bách khoa Việt Nam – NXB từ điển bách khoa - H - 2003 – T3 – tr 407.

<sup>2</sup> Tìm hiểu Một số thuật ngữ trong Văn kiện đại hội X của đảng – NXBCTQG – H – 2006 tr – 182 – 183.

<sup>3</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng – NXBCTQG – H 2006 – tr – 135 – 124.

”Nhà nước ban hành cơ chế để mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ Đảng và cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật”.<sup>4</sup>

Việc lãnh đạo các cấp đối thoại trực tiếp với nhân dân, các đại biểu dân cử tiếp xúc nghe ý kiến của cử tri; việc chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội và Hội đồng nhân dân; việc lấy ý kiến nhân dân về các dự thảo văn kiện, các dự án và chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước; việc trung cầu ý dân... đều là những cách phát huy tốt phản biện xã hội. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, cần có cơ chế rõ ràng để nhân dân bày tỏ ý kiến và phản biện đối với dự thảo, dự án những quyết định lớn của Đảng, và Đảng sẵn sàng nghe những ý kiến ngược chiều.

Khi thực hiện phản biện xã hội, người ta đưa ra các lập luận nhằm phát hiện, chứng minh, khẳng định, bổ sung hoặc bác bỏ một phương án, dự án đã được hình thành và công bố. Phản biện xã hội có thể được thực hiện với bất cứ một phương án, dự án xã hội nào được công bố.

Lập luận phản biện bao giờ cũng khác với lập luận “chính thống” là cơ sở của phương án, dự án xã hội được đưa ra nhằm vạch ra những thiếu sót, làm rõ những khía cạnh chưa hợp lý, bổ sung, hoặc khẳng định, hoặc bác bỏ phương án, dự án “chính thống”.

Phản biện xã hội và phản biện khoa học có những điểm giống nhau và khác nhau rất quan trọng. Phản biện khoa học về bản chất là khách quan, không có tính giai cấp. Phản biện xã hội bên cạnh thuộc tính khoa học, có thuộc tính xã hội, tức là phản ánh các quan điểm, quyền lợi của các tầng lớp khác nhau trong xã hội. Phản biện xã hội không phải lúc nào cũng dựa trên cơ sở lập luận khoa học thuần tuý và các yếu tố quyền lợi chính trị, kinh tế, xã hội được phản ánh thông qua chủ thể phản biện. Đây là điểm khác biệt hết sức quan trọng.

Phản biện khác với phản kháng. Phản biện xã hội nhằm mục đích lựa chọn phương án, dự án xã hội chính xác nhất. Phản kháng xã hội hướng tới sự đả kích, không dừng lại ở việc đối chọi về lập luận, mà còn dẫn tới các hành động phản kháng cụ thể.

<sup>4</sup> Sách đã dẫn.

Nội dung của phản biện xã hội rất rộng. Đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách... của Đảng, Nhà nước là đối tượng của phản biện xã hội.

Các nhà cầm quyền trên thế giới rất khôn ngoan luôn biết sử dụng phản biện xã hội như một kênh thông tin rất quan trọng phục vụ cho công việc của mình.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, phản biện xã hội là hình thức sinh hoạt chính trị dân chủ thúc đẩy thực hiện mục đích xã hội tốt đẹp.

Phản biện xã hội vừa là một nhu cầu khách quan của công việc lãnh đạo xã hội, vừa là một hiện thực tất yếu luôn tồn tại trong đời sống chính trị xã hội.

Phản biện xã hội, nếu được thực hiện đúng đắn, sẽ đem lại kết quả tích cực trực tiếp. Phản biện xã hội tạo điều kiện thuận lợi để chúng ta có những phương án, dự án hợp lý nhất, hiệu quả nhất và sẽ được ứng dụng rộng rãi khi đưa vào thực hiện.

Muốn phản biện xã hội đạt được mục tiêu tích cực của nó thì phải có định hướng phản biện, phản biện phải có nơi, có chỗ, có người nói, có người nghe, phạm vi, quy mô, nội dung phản biện phải được tính toán, cân nhắc trên cơ sở phát huy quyền dân chủ, nhưng điều quan trọng trước hết là phải xác định mục đích phản biện là gì?

Ý nghĩa và giá trị của phản biện xã hội là to lớn, nhưng cũng không nên tuyệt đối hoá vai trò của phản biện xã hội, cho đó là giải pháp vạn năng trong đời sống chính trị.

Phản biện xã hội chỉ là một trong các biểu hiện của cơ chế tập trung dân chủ, nó chỉ có ý nghĩa và giá trị khi nằm trong tổng thể cơ chế tập trung dân chủ. Một Nhà nước điều hành hoạt động xã hội hằng ngày, không thể áp dụng phản biện xã hội cho mọi quyết sách của mình. Phản biện xã hội thực hiện tràn lan có thể làm mất đi tính năng động và kịp thời của quá trình điều hành xã hội. Nếu tổ chức không tốt quá trình phản biện xã hội, dẫn đến bị những kẻ cơ hội lợi dụng, thì có thể làm tê liệt sự điều hành của Nhà nước.

## **II- Phản biện xã hội là một hoạt động khoa học**

### **1. Tính khoa học của phản biện**

Phản biện là một hành vi xác định tính khoa học của hành động của con người, xuất hiện khi con người chuẩn bị hành động. Phản biện làm cho mỗi một hành vi được tiến hành trên cơ sở có một sự xác nhận có chất

lượng khoa học đối với nó. Nếu không có phản biện có nghĩa là con người mặc nhiên hành động mà không thèm đếm xỉa đến sự xác nhận của xã hội về tính phù hợp, tính đúng đắn của hành động đó. Phản biện xã hội là một khái niệm chính trị, là biểu hiện đặc trưng chuyên nghiệp nhất của cái gọi là đời sống dân chủ. Phản biện trong một xã hội dân chủ là một loại "*phản hành động*" ("*phản hành động*" chứ không phải là "*phản động*"). Nó xuất hiện song song cùng với các hành động, nó xuất hiện đối lập với tất cả các hành động.

Trong mỗi một xã hội bao giờ cũng có nhiều nhóm lợi ích khác nhau. Các nhóm lợi ích bao giờ cũng có nhu cầu tiến hành hành động vì một mục tiêu nào đó. Nhưng trên mỗi khía cạnh hay mỗi lĩnh vực của đời sống con người bao giờ cũng có những cách lý giải khác nhau và do đó có những cách hành động khác nhau để đạt được mục tiêu như vậy. Phản biện tạo ra một giai đoạn đệm cho quá trình hành động tự nhiên của các nhóm lợi ích, đó là giai đoạn thảo luận và thỏa thuận. Phản biện làm cho các hành vi chính trị, kinh tế và xã hội trở nên ít chủ quan hơn, tức là sự xung đột của các nhóm lợi ích đã được điều chỉnh thông qua thảo luận và thỏa thuận. Nói cách khác, phản biện làm cho những cuộc xung đột trên thực tế trở thành cuộc xung đột của thảo luận, tức là biến sự xung đột lợi ích trong hành động thành các xung đột lợi ích trong thảo luận.

Nếu một xã hội không có phản biện và mỗi hành động đều được đương nhiên tiến hành thì đây là cách thể hiện rõ rệt nhất tính chất phi dân chủ của xã hội. Bởi vì mỗi một hành động chính trị bao giờ cũng là kết quả thỏa thuận của các khuynh hướng chính trị, một hành động chính trị chỉ có thể được tiến hành khi nó là sự thúc bách của nhu cầu đời sống và để cân đối các nguyện vọng khác nhau của đời sống. Ví dụ, trong đời sống hằng ngày, nếu luôn cố gắng tạo ra các không gian chính trị trong khuôn khổ tổ chức mình để các phản biện được thực hiện một cách tự nhiên thì chính các phản biện này sẽ làm cho các hành động trở nên có chất lượng và do đó kéo theo cả chất lượng chính trị, làm cho các hành động ấy trở nên đúng đắn. Chính vì vậy, để có một xã hội có chất lượng hành vi đúng đắn cần phải khẳng định tầm quan trọng của các hoạt động phản biện. Phản biện là một đòi hỏi khách quan của đời sống. Nói một cách khái quát, phản biện là một thể hiện của các phản hành động xuất hiện một cách tự nhiên trong một xã hội mà ở đó mỗi con người đều tự do bày tỏ các nguyện vọng của mình. Phản biện góp phần điều chỉnh các khuynh hướng kinh tế, văn hoá, chính trị, làm cho các khuynh hướng đó trở nên khoa học hơn, đúng đắn hơn và gần với đời sống con người hơn.

Cho đến lúc này, ở nhiều nơi, trong một số hệ thống chính trị dường như vẫn chưa có một khái niệm hoàn chỉnh về cái gọi là phản biện. Tất nhiên, trong bất cứ một hệ thống chính trị nào người ta cũng không thể bỏ qua nhân dân, cho nên tất cả mọi chính sách trong khi xây dựng đều được hỏi ý kiến nhân dân. Nhưng hỏi ý kiến nhân dân là việc trưng cầu dân ý một cách không chuyên nghiệp và hoàn toàn không phải là phản biện. Phản biện là một hoạt động khoa học, phản biện là tranh luận một cách khoa học chứ không phải là hỏi xem bạn có đồng ý với quan điểm của người khác hay không. So với trưng cầu dân ý, phản biện hoàn toàn khác về chất. Trưng cầu dân ý là hỏi dân. Phản biện không phải là hỏi dân. Phản biện không phải là nhân dân trả lời mà là nhân dân nói tiếng nói của mình. Và tiếng nói ấy được chuẩn bị một cách chuyên nghiệp bằng trí tuệ, bằng sự thông hiểu lẫn cả dự đoán về sự xung đột lợi ích khi tiến hành một hành động xã hội. Về bản chất chính trị, phản biện là một quyền tự do được xây dựng trên cơ sở quyền tự do ngôn luận. Nếu không xác lập quyền phản biện tức là quyền tự do ngôn luận mà trưng cầu dân ý thì chỉ có hai khả năng: gật và lắc. Nhưng cả gật và lắc đều diễn ra trong im lặng. Im lặng không phải là ngôn luận. Ngôn luận là bày tỏ ý kiến một cách có hệ thống và có cơ sở khoa học. Đây là một hoạt động của xã hội dân sự, nhưng không phải là hoạt động nhân dân đơn giản mà là hoạt động thông qua một hệ thống tranh luận chuyên nghiệp.

Nếu trưng cầu dân ý là đi tìm sự đồng thuận đơn giản thì phản biện là đi tìm sự đồng thuận có chất lượng khoa học. Đó là sự khác nhau về chất lượng giữa phản biện và hỏi ý kiến nhân dân. Để có được sự đúng đắn thì trong mọi quyết sách, Nhà nước phải đo sự đồng thuận của xã hội thông qua phản ứng của nhân dân. Để đo được tính đồng thuận xã hội cần phải xây dựng thiết chế, chứ không thể ngẫu hứng. Nếu nhân dân chưa biết gì về dân chủ thì không thể trưng cầu ý kiến nhân dân về dân chủ. Trong một xã hội không dân chủ thì nhân dân không có trách nhiệm, mỗi một người không có trách nhiệm mà chúng ta lấy ý kiến của những người không có trách nhiệm thì ý kiến ấy cuối cùng phản ánh cái gì? Đó chính là căn cứ để các nhà chính trị bỏ qua ý kiến của nhân dân. Sở dĩ không có sự đồng thuận trong các xã hội không phát triển là do người ta vẫn nhầm lẫn giữa phản biện và hỏi ý kiến nhân dân. Muốn có sự đồng thuận có chất lượng, chúng ta buộc phải xây dựng thiết chế phản biện. Các chính sách trước khi thực hiện không những cần phải được đo đạc rất cẩn thận, mà còn phải được xử lý về mặt số liệu một cách cẩn thận, từ đó chúng ta mới có được những chính sách phù hợp với đòi hỏi của cuộc sống. Sẽ rất mất thì giờ nếu chúng ta chỉ biểu diễn sự đồng thuận bằng các phương pháp trưng cầu dân ý một cách không chuyên nghiệp.



## 2. Từ phản biện đến phản đối

Như đã nói ở trên, phản biện là trạng thái chuyên nghiệp của quá trình thảo luận, cho nên, nếu không xây dựng nền văn hoá thảo luận thì không thể có nền văn hoá phản biện mà chỉ có nền văn hoá chống đối. Cần phải hiểu rằng phản biện không phải là chống đối. Khắt lằn phản biện tức là khuyến khích chống đối. Chống đối phát triển thêm một chút là thành phá phách, phát triển thêm chút nữa thành cách mạng. Tự do ngôn luận chính là năng lực đau và kêu đau. Đau và kêu đau là năng lực của cuộc sống để thể hiện tất cả các khuyết tật, các vấn đề bên trong của nó. Nếu không có những quyền như biểu tình và ngôn luận thì con người không có năng lực kêu đau. Biểu tình và ngôn luận là hai cấp độ khác nhau của năng lực kêu đau của đời sống xã hội đối với các chính sách. Biểu tình là phản ứng trực tiếp của người dân, ngôn luận không phải là phản ứng trực tiếp từ người dân mà chủ yếu là phản ứng của bộ phận chuyên nghiệp của xã hội, tức là có những bộ phận điều tra chuyên nghiệp về các cơn đau của xã hội đối với các tác động khác nhau của chính sách. Trong một xã hội phi dân chủ, con người không có các quyền như vậy, không có quyền tự do ngôn luận, quyền biểu tình, quyền lập hội... tức là quyền đề kháng đối với những trạng thái thái quá hay những biểu hiện của trạng thái lộng hành của Nhà nước đối với xã hội. Nhưng ngay cả khi Nhà nước không ủng hộ, không khuyến khích, thậm chí chống lại, thì những phản ứng như vậy vẫn luôn tồn tại mà không hề biến mất. Trong trường hợp đó, bản năng kêu đau của cuộc sống vẫn tồn tại, nó tích tụ lại ở bên trong và đến một mức nào đó tạo thành những cơn bùng nổ được gọi là cách mạng xã hội. Cách mạng xã hội không phải là cuộc cách mạng chính trị. Cách mạng chính trị là bề mặt của các cuộc cách mạng xã hội, là khía cạnh chuyên nghiệp, khía cạnh bị kích động và khía cạnh được tổ chức của cách mạng xã hội. Còn cách mạng xã hội là nỗi uất ức tồn tại bên trong lòng xã hội, sau khi được các nhà chính trị khai thác và tổ chức mới trở thành các cuộc cách mạng chính trị. Khi đã xuất hiện các cuộc cách mạng xã hội tức là xã hội đã đi quá giới hạn chịu đựng của nó.

Xã hội có thể trở thành sản phẩm của hệ thống chính trị nếu hệ thống chính trị nào không ý thức được rằng chính sách nào thì sinh ra xã hội ấy. Xã hội có thể không vĩnh viễn trở thành sản phẩm của hệ thống chính trị nhưng những trạng thái của nó là hệ quả của hệ thống chính trị ấy. Ví dụ, có những xã hội mà trong suốt một thời kỳ rất dài im phăng phắc, không ai dám nói to tên các nhà lãnh đạo cả. Nếu cứ tiếp tục duy trì như thế thì có thể nói rằng tất cả các trạng thái sợ hãi ấy tạo ra một xã hội sợ hãi. Một xã hội sợ hãi là một xã hội sợ phát triển, sợ thay đổi, một xã hội yên phận thủ

thường. Vấn đề đặt ra là chúng ta muốn gì? Với tư cách là các lực lượng xã hội, chúng ta muốn gì thì phải nói rõ, và nhà nước cũng phải tỏ rõ quan điểm là nhà nước muốn gì, tức là phải tạo ra quá trình đối thoại. Không có một xã hội đối thoại giữa các nhóm lợi ích khác nhau thì không thể có phản biện xã hội bởi vì xã hội không có thói quen thảo luận. Khi đó, năng lực phản biện đáng ra xã hội cần có để làm cho đúng đắn hơn các quyết định chính trị của nhà cầm quyền được thay thế bằng sự phản đối xã hội. Sự phản đối xã hội và sự phản biện xã hội là hai cách thể hiện những trạng thái chính trị khác nhau của xã hội đối với nhà nước. Phản biện là hoạt động thân thiện, là hoạt động có trách nhiệm, là sự kết hợp giữa trí tuệ xã hội với trí tuệ của hệ thống chính trị để tạo ra tính chính xác, tính đúng đắn của các quyết định chính trị. Còn phản đối là các phản ứng cục đọan ở những cấp độ khác nhau, cùng phát triển với sự sai lầm của các quyết định chính trị. Nếu không tổ chức phản biện xã hội một cách chuyên nghiệp, một cách đúng đắn và một cách thân thiện thì chắc chắn chúng ta sẽ hướng dẫn xã hội biến hoạt động phản biện trở thành hoạt động phản đối. Khi sự phản đối ấy được chuẩn bị một cách âm thầm cùng với tốc độ tăng trưởng của các sai lầm chính trị thì nó có thể trở thành sự chuẩn bị cho một cuộc cách mạng. Đó là tất yếu.

Phản biện xã hội chính là biện pháp thay thế sự chống đối xã hội, hay nói cách khác, cần phải thay thế tự do cãi cọ bằng tự do ngôn luận. Ở nước Anh, trong công viên Hyde Park người ta dành riêng một khu cho những người muốn nói xấu Nữ hoàng và Thủ tướng. Ở đây người ta có thể nói thoải mái để xả hết cơn tức. Do sự bức xúc của đời sống nên con người có những nhu cầu như vậy. Sự va chạm tự nhiên của các nhóm lợi ích hay của các lợi ích tạo ra sự cãi cọ. Cần phải hướng những sự cãi cọ bản năng trở thành những cuộc thảo luận chuyên nghiệp mà biểu hiện cao nhất của nó là phản biện thì mới có thể có một xã hội ổn định và phát triển.

### **3. Điều kiện để phản biện xã hội trở thành một hoạt động có chất lượng khoa học**

Muốn có phản biện xã hội thì trước hết xã hội phải có thói quen thảo luận, mà muốn tạo thói quen thảo luận cho xã hội thì nhất thiết phải trả lại cho xã hội cảm hứng nói, tức là trả lại cho xã hội quyền tự do ngôn luận để khích lệ xã hội tham gia vào những cuộc thảo luận hoặc tranh luận trên quy mô xã hội về tất cả các vấn đề. Khi xã hội được huấn luyện thông qua những cuộc thảo luận như vậy thì xã hội mới có đủ năng lực để phản biện những vấn đề hệ trọng khác, vì khi nói đến phản biện xã hội tức là phản biện những vấn đề hệ trọng của đời sống chính trị. Cho nên, điều kiện thứ nhất là cần phải thực thi tự do ngôn luận. Phản biện là biểu hiện chuyên nghiệp của việc người ta thực thi quyền tự do ngôn luận nên phải khẳng

định quyền tự do nói trước. Tự do ngôn luận là quyền đầu ra của mọi ý kiến phản biện. Nếu không có tự do ngôn luận thì không có cách gì để phản biện. Không có quyền nói thì nghĩ hay đến mấy cũng vô ích, vì không có cách gì để thể hiện được ý nghĩ ấy. Nếu hạn chế quyền tự do phổ biến các quan điểm thì có nghĩa là dành toàn bộ các quyền tự do cho một loại quan điểm và nếu xã hội chỉ được hướng dẫn bằng một loại quan điểm thì vô cùng nguy hiểm vì nó tất yếu sẽ dẫn đến sự đơn điệu và lệch lạc của đời sống. Cho nên, tự do ngôn luận chính là một trong những chìa khoá cực kỳ quan trọng để làm cân bằng tất cả các khuynh hướng, để mỗi một điểm trong đời sống xã hội nhận được nhiều thông tin khác nhau giúp cho các thành viên trong xã hội có năng lực lựa chọn. Bản chất của tự do là quyền được lựa chọn và sự phong phú để lựa chọn. Muốn có sự phong phú để lựa chọn thì con người phải có quyền phổ biến quan điểm, tức là quyền tự do ngôn luận. Quyền tự do ngôn luận là tiền đề, là điều kiện cơ bản để con người thực thi các quyền tự do lựa chọn.

Thứ hai, phản biện xã hội là trạng thái chuyên nghiệp của quá trình thảo luận cho nên nó cần có sự tham gia của hai lực lượng, lực lượng thứ nhất là để nói một cách chuyên nghiệp và lực lượng thứ hai là để nghĩ một cách chuyên nghiệp. Trước khi nói phải nghĩ, nghĩ chuyên nghiệp là giới trí thức và nói chuyên nghiệp là giới báo chí. Phản biện xã hội là sự tranh luận một cách chuyên nghiệp giữa các lực lượng xã hội với nhau hoặc là với nhà cầm quyền để tạo sự chính xác chính trị của mỗi một hành động có chất lượng chính sách hoặc định hướng, cho nên, nếu không có sự tham gia của hai lực lượng này thì quá trình còn lại là quá trình phản ứng xã hội chứ không phải là phản biện xã hội.

Vấn đề của những nước chậm phát triển là cần phải xây dựng một đội ngũ trí thức. Tại sao lại đặt ra vấn đề này? Bởi vì với chất lượng con người ở những nước này thì chưa thể có đội ngũ trí thức tiên tiến được. Đội ngũ trí thức ở đó mới đạt đến trạng thái hơn nhân dân và họ tự hào là mình hơn nhân dân. Đó là nỗi đau khổ lớn nhất và là chỉ tiêu tập trung nhất để mô tả tình trạng chậm phát triển của xã hội. Khi nào giới trí thức nhận thức được rằng trí thức là tội đồ của nhân dân, có sứ mệnh nghĩ hộ nhân dân, nghĩ trước nhân dân và biết biến nhân dân trở thành đồng minh của sự suy nghĩ của mình thì đấy là dấu hiệu bắt đầu của sự phát triển. Vở kịch "*Nguyễn Trãi ở Đông Quan*" của Nguyễn Đình Thi cách đây gần ba chục năm đã nói điều này, đó là người trí thức phải nói hộ nhân dân. Tuy nhiên, người trí thức nói hộ nhân dân thì vẫn chưa đủ để tạo ra sự đồng thuận xã hội. Người trí thức không chỉ nói hộ nhân dân mà quan trọng hơn là phải hướng dẫn nhân dân để tạo cho nhân dân thói quen nói lên tiếng nói của chính mình.

Khi người trí thức yêu nhân dân của mình thì thành đạt bao nhiêu cũng không đủ, cũng không làm cho người ta thoả mãn bởi lý tưởng của trí thức nằm trong nỗi khổ, trong sự suy nghĩ của nhân dân chứ không phải nằm trong sự thành đạt của cá nhân. Những trí thức Pháp ở thời kỳ Khai sáng chính là những ví dụ về tầng lớp trí thức coi mình là tội đồ của nhân dân. Nhà nước Pháp truy bắt Diderot, truy bắt Montesquieu, truy bắt Voltaire. Voltaire phải trốn lên biên giới trong các nhà thờ lớn của nước Pháp, ở đây ông ta viết những tác phẩm về tự do. Montesquieu và Diderot cũng thế. Cho nên, xã hội muốn phát triển thì việc đầu tiên là phải phát triển đội ngũ trung lưu của xã hội mà ở những nước chậm phát triển thì tầng lớp trung lưu của xã hội là những người trí thức, chứ không phải là những kẻ buôn bán lăm tiền.

Bộ phận nói chuyên nghiệp là giới báo chí ở những quốc gia chậm phát triển cũng có những vấn đề của nó. Do sự bức xúc của đời sống nên giới báo chí thường có xu hướng cứ đòi hỏi, cứ làm to tát cả những thứ thực ra rất khiêm tốn, rất gần gũi với đời sống con người. Đây chính là một trong những nhược điểm của giới báo chí. Tôi cho rằng chúng ta không nên đao to búa lớn, không nên gạch chân dưới những đòi hỏi của mình. Chẳng hạn, trong một chế độ chính trị chịu sự chi phối của quá khứ mà đòi hỏi các nhà chính trị phải thay đổi hay phải cắt bỏ ngay những bộ phận đã được mã hoá bởi quá khứ ra khỏi cơ thể chính trị thì đó là đòi hỏi khó chấp nhận. Nhưng nếu chúng ta đưa ra những đòi hỏi về xã hội dân sự thì đây lại là quyền rất chính đáng. Chúng ta hãy đòi hỏi một cách từ tốn tất cả những gì cần cho đời sống con người. Hãy chia nhỏ tất cả những đòi hỏi lớn. Chúng ta xây dựng nền dân chủ bằng việc xây dựng các quyền nhỏ nhoi liên quan đến thân phận con người trước. Và chúng ta thấy rằng tất cả những thứ nhỏ nhoi khiêm nhường ấy không chỉ chúng ta cần, mà con cái những nhà chính trị cầm quyền cũng cần. Họ thấy sự gần gũi của những đòi hỏi của chúng ta so với những đòi hỏi của con cái họ và họ không thấy nguy cơ chính trị nào trong những đòi hỏi ấy cả, hay nói cách khác, chúng ta sẽ có được sự cảm thông chính trị rất con người giữa chúng ta và họ, đây chính là mục tiêu và là phương thức tối ưu của hoạt động báo chí.

Có nhiều người cho rằng chức năng thức tỉnh cảm hứng xã hội cũng như thức tỉnh nhận thức xã hội là của báo chí, nhưng báo chí lại không có đủ quyền tự do thì làm thế nào để xã hội có thể thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn ấy được. Xét về mặt định tính thì có vẻ như ý kiến ấy là đúng, nhưng trên thực tế thì không đúng. Anh có tự do đến đâu thì anh hãy tận dụng cho hết cái không gian ấy đi. Nói to quá trong một căn phòng bé thì chỉ làm váng tai người nghe, cho nên, hãy nói những điều vừa phải trong một không gian thích hợp, hãy khích lệ mọi người và dần dần họ sẽ đòi một

không gian lớn hơn. Các không gian tự nó nở ra cùng với thời gian, cùng với trí tuệ của con người chứ không phải nở ra bằng sự nói to của bất kỳ ai. Chúng ta có nói to mấy cũng không làm thủng được bức tường chính trị, nhưng nếu người dân đòi hỏi thì bức tường ấy sẽ tự giãn. Cho nên phải kiên nhẫn. Nếu chúng ta xem chính trị là một cuộc đấu tranh thì chúng ta hiểu sai toàn bộ giá trị của đời sống chính trị. Chính trị không phải là đối lập, không phải là đối kháng, không phải là đấu tranh, chính trị là quá trình xã hội thuyết phục lẫn nhau về sự hợp lý cho sự phát triển. Và phản biện xã hội chính là một trong những cách thức để thực hiện quá trình ấy.

Trong thời đại ngày nay, chúng ta không thể tiếp tục xem động lực phát triển của xã hội là đấu tranh giai cấp mà phải xem sự phát triển dân trí là động lực của sự phát triển. Trước khi làm cho dân chúng trở thành những người có chất lượng chính trị tốt thì phải giúp họ trở thành người tốt đã. Bởi vì những người muốn làm người tốt có số lượng lớn hơn rất nhiều so với những người muốn tham gia tốt vào đời sống chính trị. Chúng ta hãy góp phần làm cho con người trở thành người hơn đã. Trên nền tảng ấy, con người mới có điều kiện để nhận thức về sự phải chăng của đời sống chính trị. Chính trị phải được phán xét bởi chất lượng con người, chứ không chỉ bởi chất lượng của nhà chính trị. Chúng ta có một nghìn nhà chính trị tốt nhưng chúng ta có một triệu người dân tồi thì xã hội cũng không thể tốt lên được. Nhưng chúng ta có một triệu người dân tốt mà chúng ta chỉ có 10 nhà chính trị tốt và có 90 nhà chính trị tồi, thì xã hội vẫn tốt lên. Cách mạng tháng Tám là một ví dụ về một xã hội như thế. Các nhà chính trị dựa vào chất lượng tử tế của xã hội Việt Nam thời đó đã tạo ra được cuộc cách mạng tháng Tám. Cho nên, để hướng dẫn người dân làm chính trị tốt, trước hết cần phải hướng dẫn họ làm người tốt. Đây là lời khuyên của tôi với tư cách là một phản biện xã hội đối với báo chí. Báo chí cần phải góp những tiếng nói có hệ thống để xã hội thức tỉnh về câu chuyện tổ chức và rèn luyện nền dân chủ một cách từ tốn, một cách yên tĩnh để khi con người già rồi, ngẩng đầu lên, thấy trên đầu mình có nền dân chủ.

### **III- Thiết chế phản biện xã hội**

#### **1. Xã hội dân sự với vai trò phản biện và vai trò trọng tài**

Xã hội dân sự là một xã hội tự cân bằng. Chính sự tự cân bằng của xã hội đã tạo ra nhà nước và đặc biệt là tạo ra chức năng và nội dung của hoạt động nhà nước. Ở mỗi một thời đại, mỗi một thể chế chính trị hoặc mỗi

một trình độ phát triển, nội dung của xã hội dân sự khác nhau. Gần đây, khi nói đến xã hội dân sự người ta vẫn nói đến các tổ chức độc lập với nhà nước, tức là các tổ chức phi chính phủ. Tôi có phát biểu tại Singapore trong một cuộc hội thảo rằng tôi không đồng ý với cách định nghĩa này, vì các tổ chức phi chính phủ chỉ là một biểu hiện của xã hội dân sự chứ không phải là toàn bộ xã hội dân sự. Nó là biểu hiện ở một trạng thái phát triển nào đó, ở một số quốc gia nào đó của xã hội dân sự chứ không phải là xã hội dân sự.

Xã hội dân sự là xã hội phi nhà nước. Xã hội dân sự tồn tại song song với nhà nước. Nó có các quy tắc văn hóa để hạn chế tất cả sự cực đoan, tất cả những hành vi không phù hợp với lợi ích công cộng. Trong đời sống dân sự hàng ngày con người ít cần đến nhà nước, con người có những tổ chức phi chính phủ để thể hiện những loại hình ý chí khác nhau của cộng đồng, họ thương thảo với nhau và tạo ra sự đồng thuận xã hội. Người Á Đông chúng ta không quen với xã hội dân sự cho nên định nghĩa về xã hội dân sự của chúng ta hiện nay vẫn không đúng. Xã hội dân sự mà chúng ta định nghĩa vẫn là cái gì đó có tính chất tôn trọng nhân dân nhưng lại không tôn trọng quyền tự cân bằng của xã hội. Ở một số quốc gia, nhà nước là tất cả, luôn luôn tồn tại nhà nước để giải quyết một loạt các vấn đề mà nhà nước cho rằng xã hội dân sự không làm được. Việc pháp luật không thừa nhận tình trạng không có nhà nước trong một loạt các khu vực khác nhau của đời sống làm cho nó mất đi những điều kiện tồn tại của xã hội dân sự.

Cần phải nhấn mạnh rằng, bản chất của xã hội dân sự là tính tự lập của xã hội, tức là xã hội phải giải quyết các vấn đề của nó. Nhà nước là một bộ phận của xã hội nhằm giải quyết những vấn đề có chất lượng chiến lược của đời sống chứ không phải là người giải quyết tất cả các vấn đề của đời sống. Xã hội dân sự là một xã hội tự quản lấy mình và đến một mức độ mà nó không có khả năng để tự quản nữa thì phần còn lại đó rơi vào nhà nước chuyên nghiệp. Hay nói cách khác, nhà nước chuyên nghiệp là bộ phận nối dài của xã hội dân sự để giải quyết những công việc mà bản thân xã hội không tự giải quyết được.

Sẽ không thể có hoạt động phản biện xã hội nếu xã hội dân sự không được tôn trọng hoặc không có được địa vị hợp pháp của nó. Bởi thứ nhất, phản biện là một quyền tự nhiên, là tiếng nói của xã hội dân sự, xã hội không có địa vị hợp pháp thì có nghĩa là quyền ấy cũng không hợp pháp. Vậy làm thế nào để xã hội thực hiện quyền phản biện? Thứ hai, xã hội cũng chính là trọng tài của các cuộc phản biện, hay nói đúng hơn là trọng tài giữa các khuynh hướng khác nhau tranh luận với nhau thông qua phản biện, Sự đánh giá đúng sai được thể hiện bằng sự hoan hô của xã hội đối

với từng loại ý kiến, đối với từng mức độ chất lượng của ý kiến. Nếu xã hội không được tôn trọng, xã hội không có địa vị hợp pháp thì liệu xã hội có thể tự do thể hiện sự hoan hô của mình đối với những ý kiến có chất lượng không? Và khi đó phản biện xã hội liệu có còn tác dụng? Cho nên, vấn đề ở đây là chúng ta cần phải xác định rõ vai trò và địa vị của xã hội dân sự để có được quan niệm đúng đắn về xã hội dân sự, dựa vào đó mà thức tỉnh xã hội về những quyền hợp pháp của mình, đồng thời thức tỉnh nhà nước về việc tôn trọng địa vị hợp pháp của xã hội dân sự.

## **2. Nhà nước với chức năng quản lý hoạt động phản biện**

Như đã nói ở trên, phản biện là một đặc trưng của nền dân chủ. Chỉ có những nhà nước mạnh mẽ thì mới thừa nhận một cách công khai và rõ ràng các quyền tham gia vào đời sống chính trị của người dân. Nếu quyền tham gia vào đời sống chính trị của người dân không được khẳng định một cách tự nhiên thì đó là biểu hiện của sự bất lực hoặc sự ép của nhà nước. Tuy nhiên, khi nhà nước thừa nhận cái quyền ấy mà xã hội vẫn không tham gia thì nó thể hiện tính chậm phát triển về chính trị của xã hội. Trong tình trạng như vậy nếu nói là nhà nước không cho thì không đúng vì nó không khoa học. Trong mọi trường hợp, chúng ta đều phải phân tích một cách khoa học. Quyền tham gia một cách tự nhiên vào đời sống chính trị phải được kiểm soát một cách an toàn bởi nhà nước, bởi vì nhà nước mà không kiểm soát sự an toàn chính trị trong quá trình các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình ấy thì nhà nước không hoàn thành chức năng của nó là bảo vệ sự yên ổn của xã hội. Nhưng nếu nhà nước làm quá lên thì nhà nước tiêu diệt năng lực sống của xã hội hay hạn chế các quyền sống tự nhiên của xã hội. Cái sai ở đây là nhà nước nhận thức sai về vùng ảnh hưởng của mình đối với sự phát triển. Anh tưởng là người dân tham gia vào các tiến trình chính trị thì đất nước sẽ không ổn định thì đó là nghĩ sai. Bắt đầu từ nghĩ sai cho nên dẫn đến làm sai. Nên hiểu rằng nếu nhân dân tham gia một cách tích cực trong khuôn khổ điều chỉnh của pháp luật vào các tiến trình chính trị thì đây chính là mở rộng động lực phát triển của xã hội. Khi chúng ta đi khám bệnh mà không định hướng được căn bệnh thì chúng ta sẽ phạm sai lầm. Để hoàn tất các chức năng chính trị đảm bảo yên ổn xã hội, một số nhà nước đã làm quá nên làm cản trở tiến trình phát triển, cho nên, nhiệm vụ của nhà nước là phải xác định được ranh giới hợp lý của quản lý. Đo đếm cái ranh giới hợp lý giữa tự do và quản lý là toàn bộ trí tuệ của nhà cầm quyền.

Gần đây, trong xã hội chúng ta cũng xuất hiện nhiều tranh luận về vấn đề phản biện xã hội. Về phía nhà nước cũng có những chính sách vĩ mô khuyến khích phản biện xã hội, cụ thể là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã

được giao thực hiện phản biện xã hội. Đây là những dấu hiệu tích cực. Tuy nhiên có một vấn đề nên xem xét đó là liệu có nên giao cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện một hoạt động vốn dĩ là quyền tự nhiên của xã hội? Như đã phân tích, phản biện xã hội là hoạt động tự nhiên của xã hội, nó thể hiện quyền tự nhiên của xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không đủ cơ sở pháp lý cũng như khoa học để có thể thực hiện chức năng phản biện. Nó có thể lãnh đạo hoạt động phản biện nhưng nó không phải là tổ chức phản biện. Phản biện là xã hội nói tiếng nói của mình để những người đưa ra các chính sách buộc phải uốn nắn lại chính sách của mình, buộc phải cân bằng lại khuynh hướng của mình cho phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không phải là một tổ chức làm được việc ấy và cũng không nên làm việc ấy. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức tập hợp các lực lượng quần chúng của xã hội Việt Nam, có nghĩa là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức nói đại của nhà nước trong đời sống quần chúng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bắt sâu rễ trong đời sống xã hội, do đó, nó có điều kiện để nắm bắt nguyện vọng và tổ chức cho các nguyện vọng khác nhau có tiếng nói. Cho nên, nếu nói rằng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hỗ trợ nhà nước trong việc tổ chức và lãnh đạo hoạt động phản biện thì mới nhất quán với hệ thống chính trị hiện nay chúng ta đang thừa nhận.

#### **4. Giải pháp cho phản biện xã hội**

Tìm kiếm sự phát triển trong thời đại ngày nay đã trở thành động cơ của tất cả các nghiên cứu khoa học. Chúng ta đi tìm các giải pháp khoa học để góp ý với giới cầm quyền trong việc tìm kiếm sự phát triển, nhưng để cho giải pháp mà chúng ta nghiên cứu trở thành giải pháp trong thực tế thì phải có giải pháp của giải pháp. Giải pháp của giải pháp là các quyền tự do. Nghiên cứu phản biện xã hội chính là nghiên cứu về quyền tự do ngôn luận, một trong những quyền tự do cơ bản. Không có quyền này thì các quyền tự do khác khó có thể trở thành hiện thực. Bởi vì như đã phân tích, ngôn luận chính là quyền tự do lựa chọn và bày tỏ về sự lựa chọn của xã hội, nếu xã hội không có quyền lựa chọn thì xã hội sẽ không có tự do. Do đó, trong quá trình tổ chức và rèn luyện nền dân chủ phản biện xã hội cần phải được biến thành một quyền phổ biến. Như đã phân tích ở những phần trên, xã hội phải có khả năng nói tiếng nói của mình nhưng nhà nước với chức năng chủ yếu của nó là đảm bảo an ninh xã hội vẫn cần có những hoạt động quản lý. Cho nên, vấn đề cần nghiên cứu là làm thế nào để hoạt động quản lý của nhà nước không lấn át xã hội đến mức tạo ra nguy cơ đẩy xã hội vào tình trạng bất hợp pháp hoặc mất năng lực phản biện. Tôi cho rằng để giải quyết được vấn đề này, chúng ta phải nhận thức một cách rõ ràng về vai trò của xã hội dân sự và mối quan hệ biện chứng giữa sự phát triển của xã hội dân sự và qui mô của nhà nước.



Đã từ lâu, tất cả chúng ta quá quen thuộc với quan điểm nhà nước là một hiện tượng lịch sử có đầu và có cuối, có nghĩa là nhà nước sẽ biến mất khi không còn giai cấp, đến mức chúng ta tin chắc rằng đó là quy luật bất di bất dịch. Đây chính là một trong những bế tắc trong lý luận về nhà nước. Theo quan điểm của tôi, nhà nước tồn tại vĩnh viễn bởi vì xã hội tồn tại vĩnh viễn. Xã hội dân sự tồn tại vĩnh viễn, sự nối dài, sự chuyên nghiệp hoá trong việc điều hành xã hội là vai trò của nhà nước, do nhà nước thực hiện và nó tồn tại vĩnh viễn. Nhà nước không biến mất cùng bất kỳ cái gì cả trừ khi biến mất loài người. Tôi cũng không nghĩ rằng có một quy luật là xã hội càng phát triển thì vai trò của nhà nước càng thu hẹp lại. Bởi vì cuộc sống có nhiều pha, trong đó có thể sắp xếp thành hai pha cơ bản là bình thường và khủng hoảng. Trong sự phát triển bình thường, nhà nước quả thật có thể thu hẹp chức năng lại. Nhưng trong những giai đoạn khủng hoảng của đời sống phát triển, nhà nước sẽ có những chức năng mở rộng ra. Ví dụ, ở Mỹ chúng ta thấy rằng nhà nước dưới thời của Tổng thống Bill Clinton là một nhà nước thông thường. Các quyền tự do thông thường của người dân được đảm bảo và được tôn trọng một cách đầy đủ. Nhưng khi đến thời Tổng thống Bush, sau sự kiện 11/9 thì xã hội khủng hoảng, do đó, chính phủ Mỹ buộc phải thay đổi và nó lấn át một số quyền đương nhiên của xã hội dân sự. Vì thế, tổng thống có quyền nghe lén điện thoại không phải để phục vụ những mục tiêu riêng của tổng thống mà phục vụ chức năng quản lý xã hội trong thời chiến. Cho nên, không phải là càng ngày nhà nước càng thu hẹp mà các yêu cầu của xã hội dân sự đối với vai trò của nhà nước trong mỗi một pha khác nhau của đời sống phát triển là rất khác nhau. Vì thế, không có quy luật xã hội càng phát triển thì nhà nước càng thu hẹp vai trò. Xã hội càng phát triển thì càng dễ có những sự bùng nổ, những sự bùng nổ của đời sống phát triển tạo ra những đòi hỏi mới, những đòi hỏi có thể là thu hẹp, có thể là mở rộng nhà nước. Nói cách khác, quy mô của nhà nước cũng như những chức năng của nó phát triển nhịp nhàng với sự đòi hỏi về vai trò của nhà nước của đời sống. Ở đây không có sự mâu thuẫn, vai trò của nhà nước đến đâu là do đòi hỏi điều hành của xã hội chứ không phải là nhà nước đòi hỏi xã hội phải mở rộng hoặc thu hẹp vai trò của mình. Nhà nước là một hệ thống chính trị mang chất lượng bị động đối với sự phát triển.

Theo một kết quả khảo sát thì hiện nay ở các nước phát triển, mỗi năm chính phủ giải quyết khoảng từ 350 - 450 đầu việc. Một số nước đang phát triển như Trung Quốc thì một năm chính phủ giải quyết khoảng 1200 đầu việc, ở Việt nam là khoảng 6000 - 6500 đầu việc. Nhìn nhận một cách đơn giản thì có vẻ như những kết quả nghiên cứu như vậy phản ánh rằng trình

độ của xã hội càng cao thì nhà nước càng ít việc đi, nhưng nhà nước chỉ ít những việc thông thường chứ không hề ít việc trong việc tìm kiếm con đường phát triển của xã hội. Nghiên cứu vai trò của Nhà nước thông qua đầu việc chỉ là một loại nghiên cứu về trạng thái phát triển của xã hội chứ không thể là nghiên cứu về trạng thái phát triển của Nhà nước. Trạng thái phát triển của nhà nước là nó đảm bảo khả năng hướng dẫn sự phát triển xã hội của nó chứ không phải là nó làm thay xã hội những công việc hằng ngày. Kết luận rằng xã hội càng phát triển, nhà nước càng ít việc thì tôi không đồng ý. Tôi cho rằng xã hội càng phát triển thì vai trò của nhà nước càng lớn bởi vì nhà nước không còn là một bộ máy để làm những việc thông thường mà nhà nước trở thành bộ não chỉ đạo sự phát triển xã hội. Đây chính là mục tiêu mà các nhà nước cần hướng tới.

Để đi đến mục tiêu ấy, trước hết cần phải tạo ra một tiền đề cho nó, đó chính là đưa xã hội ra khỏi tình trạng lạc hậu phổ biến của nó. Chúng ta không thể khẳng định hoàn toàn lỗi cho nhà nước rằng xã hội lạc hậu vì nhà nước tồi được, bởi vì nhà nước sản sinh ra từ chính xã hội. Ở những xã hội lạc hậu, con người không có khả năng phản biện, thậm chí cũng không có năng lực phản đối và họ thay thế sự phản đối bằng sự bất mãn yếm thế. Sự bất mãn yếm thế tạo ra trạng thái lãn công chính trị, sự lãn công chính trị dần dần tạo ra sự lười biếng chính trị, sự lười biếng chính trị là nguồn gốc của tất cả mọi sự chậm phát triển. Khi xã hội không tham gia vào các quá trình chính trị thì có hai nguyên nhân: thứ nhất là nó không đủ năng lực và trí tuệ để tham gia vào các khuynh hướng chính trị và thứ hai là nó không có quyền tham gia. Nhưng như đã nói ở trên, trong trường hợp nguyên nhân thứ hai đã được loại trừ mà xã hội vẫn không tham gia thì nó thể hiện tính chậm phát triển về chính trị của xã hội. Chính vì vậy chúng ta cần phải thức tỉnh về một thực tế là tư duy cần cho một xã hội chậm phát triển bây giờ là tư duy vượt lên trên trạng thái lạc hậu.

Trong khi nghiên cứu về Tự do, tôi thấy rằng các xã hội phương Đông không phát triển bằng phương Tây vì phương Đông thiếu tự do. Người Trung Quốc chẳng kém gì người Tây, nền văn minh Trung Hoa có trước nền văn minh châu Âu, nhưng vì không có tự do cho nên họ không ra khỏi trạng thái lạc hậu của chính mình được. Anh nghĩ về những điều cá nhân anh tâm đắc mà không biết rằng sự nghĩ của riêng anh không tạo ra sự phát triển được vì nó không tạo ra cảm hứng xã hội. Đến bây giờ, người viết về trắng hay nhất của nước Trung Hoa chỉ có hai nhà thơ là Lý Bạch và Đỗ Phủ. Một tỉ ba người dân Trung Hoa không làm thơ về trắng hay được như họ, vì con người không thể có cảm hứng trong khi người ta đang nghĩ về miếng bánh. Trong bộ phim "Phải sống" của đạo diễn Trương Nghệ Mưu, ông bác sĩ, nạn nhân của cách mạng văn hoá, mà gia đình ông Phú Quý đón

về để cứu con gái mình đã chết vì ăn liền một lúc bảy cái bánh bao. Trong khi người ta mãi nghĩ về cái bánh bao thì trăng chẳng có nghĩa gì cả. Cho nên, **cần phải trả lại cho đời sống Tự do và làm cho con người thức tỉnh một cách tập thể về giá trị của Tự do.** Và những nhà lãnh đạo mọi nước trên thế giới cần phải hiểu rằng Tự do là nguồn gốc của sự sống, nguồn gốc của việc hình thành các giá trị con người, nguồn gốc của phát triển. Không có tự do thì không có giải pháp nào, không có trí khôn nào có thể đưa một đất nước ra khỏi tình trạng chậm phát triển được.

Mặc dù là một yếu tố rất quan trọng, phản biện xã hội cũng chỉ là một trong các biểu hiện của cơ chế tập trung dân chủ, nó chỉ có ý nghĩa và giá trị khi nằm trong các tổng thể cơ chế tập trung dân chủ. Phản biện xã hội áp dụng tràn lan và cứng nhắc có thể làm mất đi tính năng động và kịp thời của quá trình điều hành xã hội. Nếu tổ chức không tốt quá trình phản biện xã hội, dẫn đến bị lợi dụng, thì có thể làm tê liệt nhất thời sự điều hành của Nhà nước. Do đó, nhìn nhận phản biện xã hội phải theo tư duy nguyên tắc, nhưng cũng phải biện chứng. Điều này rất quan trọng khi chúng ta bàn về phương thức phản biện xã hội.

### **Nội dung của phản biện xã hội**

Phản biện xã hội là đưa ra các lập luận, phân tích nhằm phát hiện, chứng minh, khẳng định, bổ sung hoặc bác bỏ một đề án (phương án, dự án) xã hội đã được hình thành và công bố trước đó.

Một đề án, dự án, phương án xã hội khi đưa ra bao giờ cũng dựa trên những cơ sở lập luận nhất định. Vì vậy, phản biện xã hội dựa vào các lập luận, phân tích từ một góc nhìn khác, một hệ thống công cụ khác với góc nhìn và hệ thống công cụ đã dùng ở đề án xã hội nói trên. Như vậy, phản biện xã hội chỉ có thể triển khai trên cơ sở đa nguyên ý kiến, lập luận và công cụ phân tích (không nên đánh đồng đa nguyên này với đa nguyên về tổ chức chính trị và hệ tư tưởng).

Phản biện xã hội có thể được thực hiện với bất cứ một phương án xã hội nào được công bố, cho dù là từ đâu: từ phía lực lượng lãnh đạo xã hội hay từ các lực lượng hoạt động xã hội khác. Phương án xã hội nhằm chỉ bất cứ một kế hoạch, chủ trương... nào có tính chất xã hội, tức là liên quan đến quyền lợi và đời sống của đông đảo mọi người trong quốc gia. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, chúng ta giới hạn “phản biện xã hội” là sự nhận xét đối với các phương án xã hội lớn do lực lượng đang nắm quyền lãnh đạo xã hội đưa ra (đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, các quyết định kinh tế – xã hội lớn...).

Khi giới hạn như vậy, một nội hàm hẹp hơn của phản biện xã hội là: những ý kiến, lập luận, quan điểm được đưa ra khác với phương án “chính thống”, nhằm mục đích vạch ra những điểm thiếu sót, bổ sung, làm rõ những khía cạnh chưa hợp lý, hoặc khẳng định, hoặc bác bỏ phương án “chính thống”.

Lập luận phản biện đương nhiên khác với lập luận “chính thống” là cơ sở của đề án xã hội đã được đưa ra. Tuy nhiên “dải tần” của sự khác biệt này rất rộng, dẫn đến các kết quả cuối cùng rất khác nhau. Như trên đã chỉ ra, phản biện có thể dẫn đến kiểm tra, rà soát, bổ khuyết, và có thể cả phê phán và bác bỏ phương án được đưa ra để trưng cầu phản biện.

Phản biện có thể dẫn đến phản bác. Nhưng phản biện khác phản bác chính là ở chỗ “dải tần” của phản biện rộng, và phản bác chỉ là một khả năng, một tình huống có thể có trong phản biện.

Phản biện xã hội và phản biện khoa học có những điểm giống và khác biệt rất quan trọng.

Phản biện xã hội cũng phải dựa trên cơ sở các lập luận và ý kiến hướng đến chân lý khách quan như phản biện khoa học. Trong nhiều trường hợp (tùy thuộc nội dung và chủ thể phản biện xã hội), phản biện xã hội cũng chính là phản biện khoa học. Ví dụ: Chính phủ đưa ra chủ trương phát triển nguồn năng lượng, trong đó đề xuất xây dựng nhà máy điện nguyên tử. Đây vốn là vấn đề kinh tế – kỹ thuật, nhưng do tầm quan trọng lớn lao của nó với an sinh xã hội nên cần phải tranh thủ rộng rãi ý kiến khác nhau, trong đó có phản biện của các nhà khoa học.

Điểm khác nhau giữa phản biện xã hội và phản biện khoa học:

- Phản biện khoa học bao giờ cũng phải có sự hoàn chỉnh tương đối của lập luận để “đua tranh” với lập luận “chính thống”. Phản biện xã hội không phải bao giờ cũng như vậy. Có những trường hợp phản biện xã hội là sự tập hợp của nhiều ý kiến, phản ứng, dư luận, lý lẽ... riêng rẽ, không có tính hoàn chỉnh tương đối, nhưng vẫn có thể tác động mạnh đến phương án xã hội “chính thống” đã được đưa ra.

- Phản biện khoa học về bản chất là khách quan, không có tính giai cấp. Phản biện xã hội bên cạnh thuộc tính khoa học, có thuộc tính xã hội, tức là phản ánh các quan điểm, quyền lợi của các tầng lớp khác nhau trong xã hội. Vì vậy phản biện xã hội không phải lúc nào cũng dựa trên cơ sở lập luận khoa học thuần túy. Ngược lại, trong đa số các trường hợp của phản biện xã hội có thể thấy yếu tố quyền lợi chính trị – kinh tế – xã hội được phản ánh thông qua chủ thể phản biện.

Đây là khác biệt hết sức quan trọng. Không nắm vững điểm khác biệt này sẽ dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc nhìn nhận và tổ chức, xây dựng cơ chế phản biện xã hội, nhất là trong bối cảnh xã hội có những quyền lợi khác biệt, trong giai đoạn quá độ.

Về khái niệm, không khó phân biệt phản biện xã hội và phản kháng xã hội. Tuy nhiên, thực tế đây là vấn đề rất phức tạp. Trong bối cảnh đấu tranh giai cấp, xung đột quyền lợi (kể cả trong nước và quốc tế), phản kháng xã hội có thể nấp dưới hình thức phản biện xã hội, ít ra là trong một giai đoạn nhất định. Trong trường hợp này, phản biện xã hội là hình thức đấu tranh hợp pháp của lực lượng theo đuổi mục tiêu xã hội đối lập với mục tiêu xã hội “chính thống”.

Từ một góc nhìn khác, cần lưu ý rằng phản biện xã hội mặc dầu có tính chất xây dựng nhưng trong những bối cảnh, tình huống nhất định có thể bị lực lượng theo đuổi phản kháng xã hội lợi dụng để phục vụ cho hoạt động phản kháng, ít nhất là trong quá trình vận động, tập hợp lực lượng, gây dư luận xã hội. Do vậy, trong bối cảnh cụ thể của nước ta, khi Đảng cộng sản là đảng cầm quyền duy nhất, việc xây dựng cơ chế phản biện xã hội cần phải khoa học, chặt chẽ, tránh kẽ hở để các lực lượng thù địch lợi dụng.

Nội dung của phản biện xã hội rất rộng. Lực lượng lãnh đạo trong xã hội có những đường lối, hệ thống các quan điểm lãnh đạo chính trị – kinh tế – xã hội cho từng giai đoạn, thể chế và pháp chế hóa các chủ trương, quan điểm đó, đồng thời thường xuyên phải cụ thể hóa đường lối của mình thành các chính sách. Đó là đối tượng của phản biện xã hội. Tiếp nữa, vì ở vị thế cầm quyền, lực lượng này phải đưa ra các quyết sách cụ thể. Không phải tất cả các quyết định có tính chất điều hành này đều là đối tượng của phản biện. Nhưng nhiều quyết định có ảnh hưởng lớn đến đời sống và tâm trạng của toàn xã hội hoặc của một bộ phận, tầng lớp dân cư, một khu, vùng miền... cũng cần có phản biện xã hội. Phản biện xã hội thực hiện chủ yếu ở hai trường hợp: Một là, đối với các dự thảo chủ trương, chính sách; Hai là, phát hiện các điểm chưa hoàn thiện, thậm chí sai sót, hoặc không còn phù hợp trong đường lối, chính sách, quy định pháp lý... đang được thực hiện trong thực tế, để lực lượng cầm quyền có những điều chỉnh, sửa đổi hoặc thay đổi chính sách cho phù hợp, ưu việt. Phản biện không hoàn toàn giống với việc đề xuất, phát biểu, kiến nghị nói chung. Phản biện là hoạt động sau khi đã có những công bố (diện hẹp hoặc rộng) các quan điểm, chủ trương, chính sách và nhằm vào các chủ trương, chính sách... đã công bố. Còn việc biểu lộ quan điểm, chính kiến, đề xuất có thể không gắn

với một chủ trương, chính sách đã đưa ra thì không thuộc phạm vi khái niệm phản biện xã hội.

### **Ý nghĩa và giá trị của phản biện xã hội**

A – Phản biện xã hội đối với đường lối, chính sách, pháp luật do lực lượng cầm quyền đề xuất và chủ trương thực hiện là hoạt động thường xuyên diễn ra, là hiện tượng không thể thiếu trong cuộc sống chính trị của mỗi đất nước trong các thời kỳ. Có hai nguyên nhân chính dẫn đến điều này:

- *Thứ nhất*, các lực lượng cầm quyền có nhu cầu về phản biện xã hội đối với các chính sách của mình.

Thực tế đã chứng minh rằng cá nhân hoặc lực lượng lãnh đạo, cầm quyền thường cần phản biện xã hội để kiểm tra, khẳng định hay để điều chỉnh, sửa đổi, thay đổi các chủ trương, chính sách, quyết định xã hội của mình. Các hình thức để có được phản biện xã hội thay đổi tùy theo từng thời kỳ, phụ thuộc từng chính thể, có thể rất thô sơ, và cũng có thể rất phức tạp. Trong lịch sử, các nhà cầm quyền khôn ngoan luôn biết cách sử dụng phản biện xã hội như một kênh thông tin rất quan trọng phục vụ cho công việc của mình.

Bản thân việc chấp nhận và sử dụng phản biện xã hội chưa có nghĩa là nhà nước đó là nhà nước tiến bộ. Đối với nhà nước “do dân, vì dân”, phản biện xã hội là hình thức sinh hoạt chính trị dân chủ giúp thực hiện mục đích xã hội tốt đẹp. Nhưng các thể chế khác cũng có thể chấp nhận phản biện xã hội như là phương thức thu thập thông tin để xử lý theo hướng đối phó với tâm trạng xã hội. Trong xã hội tư bản, các đảng tư sản đấu tranh quyết liệt để giành vị trí cầm quyền. Điều này phản ánh sự xung đột trong lợi ích của một bộ phận giai cấp tư sản với bộ phận khác. Nhưng giai cấp tư sản có quyền lợi chung, nên xung đột này chỉ giới hạn trong một chừng mực nhất định. Sau khi một đảng thắng cử, đảng tư sản kia trở thành đảng đối lập. Điều ấy không có nghĩa là đảng này đối lập về đường lối và mục tiêu với đảng cầm quyền. Quá trình chỉ trích, phê phán diễn ra trong toàn bộ thời gian sau đó chỉ có ý nghĩa như cuộc tranh cử sớm, và cũng lại có vai trò như một hình thức phản biện xã hội của giai cấp tư sản. Quá trình này phục vụ một cách hiệu quả cho sự cầm quyền của giai cấp tư sản trong nhiều thập kỷ qua.

- *Thứ hai*, trong lịch sử có những thể chế, cá nhân cầm quyền “dị ứng” với sự nhận xét, phê phán của xã hội nhằm vào các chính sách của mình. Nhưng phản biện xã hội là phản ứng tự nhiên của các thành phần trong xã hội đối với các chủ trương, chính sách (đã được áp dụng hoặc mới

là dự định) của phía cầm quyền, nó khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của nhà cầm quyền. Khi chính sách được áp dụng hoặc được công bố, nó sẽ động đến quyền lợi của các tầng lớp xã hội. Do vậy các tầng lớp này bao giờ cũng biểu lộ ý kiến của mình. Tùy theo bản chất nhà nước và cách thức vận hành của hệ thống phản biện xã hội mà các ý kiến này được ghi nhận đến đâu, nhưng trong mọi trường hợp nó đều hiện hữu. Một nhà nước không chấp nhận phản biện đối với các chính sách của mình, cũng không thể có phương tiện để ngăn chặn triệt để sự xuất hiện, lan truyền và tác động của phản biện xã hội đối với các chính sách của nhà nước đó. Hơn thế, thực tế chứng minh rằng, ngăn chặn phản biện xã hội là con đường ngắn nhất dẫn đến phản kháng xã hội. Đó là điều mà một thể chế chính trị tinh táo nên tránh.

Thực tế diễn ra ở Liên Xô trước đây, riêng trong vấn đề phản biện xã hội, cho ta hai bài học đau xót. *Bài học đầu tiên* là mặc dầu có một hệ thống nghiên cứu khoa học xã hội rất đồ sộ và trình độ dân trí rất cao, nhưng các đường lối, chính sách lớn lại không có sự phản biện xã hội thật sự. Thông thường một số cơ quan nghiên cứu trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô soạn thảo các văn kiện quan trọng, và dự thảo văn kiện được thông qua dưới sự chỉ đạo của một nhóm nhỏ các cá nhân lãnh đạo trong lĩnh vực đó. Ngay trong nội bộ Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô – một trung tâm có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, hình thành các văn kiện – quá trình soạn thảo cũng có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng không có sự thảo luận dân chủ kỹ càng. Một đặc điểm nữa là việc giao nhiệm vụ chuẩn bị văn kiện cho cơ quan nghiên cứu nào phụ thuộc nhiều vào việc cá nhân người lãnh đạo là ai. Nếu như Tổng Bí thư Brê-giơ-nhép dựa chủ yếu vào bộ máy của Ban Chấp hành Trung ương, thì Tổng Bí thư Goóc-ba-chốp hầu như “không tin tưởng” các cơ quan này. Thời Goóc-ba-chốp, Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô hầu như chỉ là nơi thực hiện các khóa đào tạo. Các văn kiện chủ yếu được tin tưởng giao phó cho một số viện nằm trong cơ cấu Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (ví dụ: Viện nghiên cứu kinh tế của A-ban-kin và Viện nghiên cứu quan hệ quốc tế của Pri-ma-cốp). Hậu quả là quan điểm, chủ trương lớn của toàn Đảng nhiều khi chỉ là “tác phẩm” của một nhóm, một trường phái, một cơ quan khoa học. Có thể nêu ví dụ học thuyết về giai đoạn “chủ nghĩa xã hội phát triển” được Tổng Bí thư Brê-giơ-nhép đưa ra và thể chế hóa trong Hiến pháp Liên Xô năm 1977, đóng vai trò như là định hướng quan trọng nhất của đường lối chính trị – kinh tế – xã hội của Liên Xô giai đoạn này – không phải là sản phẩm

khoa học được hình thành qua sự nghiên cứu, chà xát khoa học kỹ lưỡng của toàn bộ các lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội. Ngay từ thời gian đó, nhiều nhà khoa học, nhiều cán bộ Đảng đã có ý kiến cho rằng: xã hội Liên Xô có những biểu hiện trì trệ, nhất là trong lĩnh vực công nghệ (công nghệ thông tin không được áp dụng để đẩy mạnh nền kinh tế), lĩnh vực kinh tế (cơ chế quản lý hành chính quan liêu mệnh lệnh trong kinh tế khiến cho Liên Xô tụt hậu trong việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của tiêu dùng trong nước, chưa nói đến phát triển để thích ứng với bối cảnh “chiến tranh kinh tế” trên thế giới). Do đó, thuyết “Giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển” không vạch ra được con đường bứt phá khỏi trì trệ, mà như sự “hợp thức hóa” trì trệ. Điều này về lâu dài sẽ không có lợi cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội tại Liên Xô. Tuy nhiên, những ý kiến đó hầu như không có diễn đàn để thảo luận nghiêm túc, chỉ âm ỉ trong phạm vi hẹp.

Phải nói rằng thiếu phản biện xã hội thực sự, phản biện xã hội có tổ chức trong giai đoạn thể chế chính trị còn rất ổn định tại Liên Xô thời kỳ Brê-giơ-nhép đã khiến cho Ban lãnh đạo Xô-viết khi đó không nắm bắt được các yêu cầu và thách thức xã hội đang ngấm trở thành hiểm họa, do đó không sớm xử lý được nhiệm vụ chính trị, góp phần dẫn đến tình trạng sụp đổ ở giai đoạn sau.

*Bài học thứ hai*, còn cay đắng hơn, là khi đứng trước tình huống bị tụt hậu khá xa về kinh tế, khi cả xã hội nhận thức được rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể đứng vững và vượt lên nếu tạo được năng suất lao động không thua kém (điều mà Lê-nin từng khẳng định như một nguyên tắc sống còn), khi cần đưa ra những chủ trương, đường lối mới, thì nhóm Goóc-ba-chốp vừa không thoát khỏi cách làm cũ (quá trình dự thảo chính sách vẫn thiếu sự chuẩn bị khoa học), nhưng đồng thời lại phạm vào những sai lầm mới: biến phản biện xã hội thành một quá trình không kiểm soát được, biến hoạt động khoa học và lý luận của các cơ quan soạn thảo văn kiện nhiều khi thành một hoạt động dạng câu lạc bộ vô chính phủ. Như vậy, phản biện xã hội vừa là một nhu cầu khách quan của công việc lãnh đạo xã hội, vừa là một hiện thực tất yếu luôn tồn tại trong đời sống xã hội. Không nên và cũng không thể ngăn cản phản biện xã hội, nhưng lại có thể và cần thiết tổ chức phản biện xã hội để phục vụ cho các mục tiêu phát triển xã hội đúng đắn, phân biệt để hạn chế và đấu tranh với việc lợi dụng phản biện xã hội vào các mục đích chống lại thể chế.

B – Phản biện xã hội có ý nghĩa và giá trị lớn, thể hiện qua hai khía cạnh: - Phản biện xã hội, nếu được thực hiện đúng đắn, sẽ đem lại kết quả tích cực trực tiếp: chủ trương, đường lối, chính sách sẽ phù hợp với vận



động của thực tiễn khách quan; các chính sách và chế tài phản ánh đúng nhu cầu thực tế, có cơ sở khoa học vững chắc, đem lại hiệu quả cao, không hoặc ít gây ra các hậu quả trái với mục tiêu đề ra.

Thực tế chỉ ra rằng có những chủ trương, chính sách không hẳn là vấn đề chính trị – xã hội, nhưng ảnh hưởng nhiều đến dân sinh, như: cải cách sách giáo khoa, chế tài về an toàn giao thông, quản lý giá thuốc..., hoàn toàn có điều kiện để trung cầu phản biện xã hội rộng rãi trước khi đưa vào thực hiện, nhưng do không làm tốt việc này, nên gặp rất nhiều khó khăn. Phản biện xã hội tạo điều kiện để chúng ta có những phương án hợp lý nhất, chắc chắn nhất, hiệu quả nhất, gặp được sự ủng hộ rộng rãi khi đưa vào thực hiện.

- Phản biện xã hội cũng có thể không đem lại hiệu quả cụ thể trước mắt vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, nhưng vẫn đem lại hiệu quả xã hội tích cực về lâu dài là góp phần xây dựng nền nếp dân chủ trong hoạch định chính sách, không khí đồng thuận trong xã hội và nhất là tránh được hiện tượng bàng quan chính trị trong dân chúng.

Bàng quan chính trị là hiện tượng nguy hiểm đối với chính thể. Hiện tượng này là kết quả của quá trình giảm sút lòng tin của quần chúng đối với Nhà nước, và cũng là kết quả của việc quần chúng không hoặc ít có cơ hội tham gia vào các quyết sách xã hội. Hiện tượng bàng quan chính trị do không có biểu hiện gay gắt như chống đối và phản kháng, nên mức độ nguy hiểm của nó ít khi được đánh giá đúng mức. Một phân tích kỹ càng sẽ cho ta thấy: Liên Xô sụp đổ không phải do lực lượng chống chế độ có sức mạnh to lớn vào thời điểm đó. Thậm chí vào lúc đó các lực lượng này chưa có một cơ sở xã hội rõ ràng (về cơ bản, hạ tầng kinh tế và xã hội khi đó chưa bị biến dạng quá nhiều so với giai đoạn ổn định). Sự phản bội của nhóm người lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô là một yếu tố rất quyết định, nhưng không phải có tính chất gốc rễ, bởi trong một bối cảnh khác, sự phản bội này gây thiệt hại lớn, nhưng không thể dẫn đến sự sụp đổ thể chế. Thể chế chính trị của Liên Xô sụp đổ chủ yếu do đông đảo đảng viên, quần chúng đã không bảo vệ chính thể lúc cần thiết. Và xảy ra điều này là do trước đó, đã có trạng thái bàng quan chính trị trong xã hội, khi đông đảo cán bộ, đảng viên và người dân đã không còn thấy mình là người trong cuộc đối với các vấn đề lớn của xã hội. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng bàng quan chính trị tại Liên Xô trước đây có nhiều, nhưng trong đó có phần thiếu dân chủ trong việc hình thành các chủ trương, chính sách điều chỉnh đời sống xã hội, vi phạm các nguyên tắc dân chủ của Lê-nin.

- Thấy hết ý nghĩa và giá trị của phản biện xã hội là điều cần thiết, nhưng cũng không nên tuyệt đối hóa vai trò của phản biện xã hội, cho đó là giải pháp vạn năng trong đời sống chính trị. Mặc dù là một yếu tố rất quan trọng, phản biện xã hội chỉ là một trong các biểu hiện của cơ chế tập trung dân chủ, nó chỉ có ý nghĩa và giá trị khi nằm trong tổng thể cơ chế tập trung dân chủ. Cũng cần phải vạch ra rằng, phản biện xã hội không thể áp dụng cho mọi trường hợp, mọi tình huống, bối cảnh. Một nhà nước phải điều hành hoạt động xã hội hằng ngày, trong các bối cảnh trong nước và quốc tế rất đa dạng, không thể áp dụng phản biện xã hội cho mọi quyết sách của mình. Phản biện xã hội áp dụng tràn lan và cứng nhắc có thể làm mất đi tính năng động và kịp thời của quá trình điều hành hoạt động xã hội. Nếu tổ chức không tốt quá trình phản biện xã hội, dẫn đến bị lợi dụng, thì có thể còn làm tê liệt nhất thời sự điều hành của nhà nước. Do đó, nhìn nhận phản biện xã hội phải theo tư duy nguyên tắc, nhưng cũng phải biện chứng. Điều này rất quan trọng khi chúng ta bàn về phương thức thực hiện phản biện xã hội.

### **3. Phản biện xã hội - nhân tố quan trọng của phát triển**

Phản biện là hành vi thể hiện tính khoa học của con người trước khi chuẩn bị hành động. Phản biện xã hội được coi là hành vi có chất lượng khoa học của xã hội đối với hệ thống chính trị. Một xã hội được tổ chức phản biện tốt sẽ góp phần tạo ra sự đồng thuận cho phát triển, giảm được tối đa sự phản kháng không cần thiết của dân chúng.

Chính vì phản biện có vai trò quan trọng như vậy với xã hội nên trong Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng X đã đề cập việc "xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ".

#### *Phản biện như một hành vi có chất lượng khoa học của phê phán*

Trước mỗi hành vi chính trị đều có những ý kiến khác nhau. Những ý kiến này thường tồn tại ở các cấp độ khác nhau. Từ tán thành đến chưa tán thành, từ chỉ trích đến phê phán, từ phản biện đến phản đối, thậm chí là sự kịch liệt phản đối đến nổi loạn. Trong các trạng thái đó, phản biện được coi là hành vi có chất lượng khoa học của sự phê phán khiến xã hội có thể chấp nhận một cách "tâm phục khẩu phục".

Không có "phản biện" sẽ không có phát triển. Bởi lẽ, khoa học là một chuỗi sai lầm được sửa chữa. Mà sửa chữa được, là nhờ có phản biện. Tức là sự tranh luận có chất lượng khoa học chứ không phải là sự cãi vã nhằm

phê phán cái sai. Từ đó có thể chấp nhận cái đúng, loại bỏ cái sai để cho cái đúng được tiếp tục đúng. Nhưng, cũng không chỉ với khoa học. Những "sai lầm được sửa chữa" ấy không kiêng dè, loại trừ bất cứ một lĩnh vực nào trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của một đất nước. Quá trình dẫn đến "đổi mới" là kết quả của một quá trình phản biện xã hội lâu dài đối với mô hình kế hoạch hóa tập trung bao cấp quan liêu đã từng đưa nền kinh tế đất nước đến bên bờ vực của khủng hoảng.

Sự sống không bao giờ đứng yên một chỗ, trái lại, luôn luôn vận động và phát triển. Nhân tố mới xuất hiện với sự hợp lý hơn sẽ thay thế cho hiện thực cũ đang tiêu vong. Đối với triết học biện chứng thì không có gì là tuyệt đối cả. Vì thế sẽ là phản biện chứng với những ai tự dành cho mình cái quyền luôn luôn đúng tuyệt đối đúng, thậm chí chỉ "đúng trở lên"!

*Phản biện như một nhân tố không thể thiếu của phát triển*

Lịch sử cho thấy, sự độc quyền kéo dài thường là nguyên nhân chính của sự trì trệ. Lý do đơn giản họ chỉ quen độc thoại chứ không chấp nhận đối thoại.

Cũng có nghĩa là không chấp nhận có sự phản biện để tranh luận đúng sai. Thói quen độc thoại suy cho kỹ, là thói quen của người có quyền lực và là biểu hiện sự tha hóa của quyền lực. Chuyện ấy cũng không có gì khó hiểu. Khi đã yên vị trên cái ghế quyền lực rồi, nếu không thật sự có bản lĩnh, rất dễ ngại sự đổi thay, vì đổi thay có thể làm lung lay cái ghế quyền lực của mình. Bởi lẽ, mỗi bước tiến mới sẽ tất yếu biểu hiện ra như là một sự xúc phạm tới cái thiêng liêng, là một sự nổi loạn chống lại trạng thái cũ đang chứa trong nó những mầm mống của sự tha hóa nhưng được tập quán thần thánh hóa. Chính cái tập quán này là một sức trì kéo ghê gớm mà con mắt trực quan đôi khi không nhận ra. Cần phải có cái nhìn biện chứng để thấy được rằng, khi đã thực hiện được một cuộc thay đổi nhân sự trong chính quyền thì thông thường nhân tố mới trước kia là cách mạng không lâu sau đó sẽ trở thành bảo thủ. Cũng chính vì quy luật này, nên phản biện xã hội không phải lúc nào cũng có cơ hội tồn tại một cách sinh động nếu người nắm quyền không cởi mở.

Theo ông Nguyễn Trần Bạt Chủ tịch Invest Consult Group, phản biện là một hoạt động đương nhiên trong một xã hội dân chủ. Nếu thiếu đi hoạt động này là do xã hội không có năng lực phản biện hoặc không được thực hiện năng lực phản biện.

Muốn để nhân dân thực hiện được chức năng phản biện, điều cần thiết là họ phải được trang bị những phương tiện và điều kiện cần thiết. Trong một số buổi nói chuyện với cơ sở gần đây, Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã

nhiều lần nhắc nhở "tôn trọng những ý kiến khác biệt". Đây là một bước tiến bộ ở Việt Nam. Nhưng để ý tưởng này có thể đi vào đời sống, chúng ta cần tạo ra những cơ chế cụ thể trong đó phải kể đến việc lấp đi những "khoảng trống" quan trọng trong hệ thống pháp luật liên quan đến vấn đề này.

*Để phản biện xã hội trở thành một thói quen thường trực*

Như đã nói ở trên, phản biện xã hội như là một nhân tố không thể thiếu được của sự phát triển. Nếu chúng ta tạo môi trường cho phản biện xã hội phát triển như một hoạt động phê phán có chất lượng khoa học, sẽ tạo ra được động lực thường xuyên cho sự phát triển. Muốn vậy, điều đầu tiên là chúng ta phải tạo ra một môi trường xã hội, trong đó quyền được nói cần phải được coi trọng. Có như thế, chúng ta mới có những hoạt động phản biện một cách có chất lượng.

Để đạt được điều đó trước hết chúng ta phải có một xã hội dân sự. Thêm vào đó là, Việt Nam phải xây dựng một Nhà nước pháp quyền hoàn thiện, đúng nghĩa của từ này. Bởi lẽ, chỉ có một Nhà nước pháp quyền với những yếu tố đầy đủ của nó, mới có thể tạo ra sự độc lập của các cơ quan quyền lực. Sự độc lập của các cơ quan quyền lực là điều kiện cần để sự phản biện xã hội tồn tại và phát triển.

Xã hội dân chủ cũng là điều kiện cần cho việc mở rộng dân chủ. Khi người dân được quyền bày tỏ, sẽ giúp cho các nhà chính trị có thể lắng nghe một cách chân thành và nghiêm túc tiếng nói từ bên dưới, từ đó mới có thể nhận được những thông tin phản hồi trung thực để điều chỉnh và sửa sai nhằm hoàn thiện chủ trương, đường lối chính sách. Quá trình dân chủ hóa xã hội ta đã có những khởi sắc nhưng đây đó thói quen chỉ muốn độc thoại chứ không thích đối thoại vẫn chưa hẳn đã hết.

Sự hạn chế của năng lực tư duy khiến người ta không muốn thay đổi, từ đó họ cho mình cái quyền độc thoại để chỉ ban phát ý kiến dẫn dắt, mà không quen lắng nghe và tiếp nhận thông tin từ cuộc sống, từ dòng chảy cuồn cuộn của cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Thói quen độc thoại tự cho mình đã biết tất cả, chân lý là đã có sẵn, chỉ cần lấy ra rao giảng, chính là biểu hiện tha hóa của quyền lực. Ngược lại tác phong đối thoại được xác lập từ nhận thức rằng chân lý đến từ quá trình tìm tòi, suy ngẫm phân tích và tiếp nhận trong dòng chảy miệt mài liên tục của cuộc sống.

Sự mở cửa giao lưu với thế giới bên ngoài, sự hội nhập ngày càng sâu của nền kinh tế không cho phép chúng ta bảo thủ. Việc hạn chế phản biện xã hội hay duy trì sự phản biện chất lượng kém sẽ dễ đẩy một đất nước đi

vào vòng xoáy của chuyên chế, độc tài sẽ kìm hãm sự phát triển của chính xã hội ấy.

### *Phản biện xã hội với sự phát triển của Việt Nam*

Bất kỳ cuộc cải cách xã hội nào cũng cần thiết một sự đồng thuận. Nhưng mâu thuẫn không tránh khỏi của phát triển luôn tồn tại: sự biến đổi mô hình kinh tế đi nhanh hơn, dẫn đến sự “hụt hơi” của các mặt khác trong cuộc sống trên đồng thời một quỹ đạo thời gian. Kết quả của sự lệch pha này dẫn đến xu hướng phân hoá xã hội thành các nhóm khác nhau về lợi ích và mục tiêu.

Hãy hình dung xã hội như căn hộ bao gồm một gia đình có nhiều người con. Do khác nhau về tuổi tác, thể chất, giới tính... tạo cho mỗi cá thể sự khác biệt về sở thích và thói quen. Va chạm tự nhiên của các lợi ích hay các nhóm lợi ích này sinh ra mâu thuẫn (conflict of interests). Có mâu thuẫn thì xuất hiện tranh luận. Sự dung hoà lợi ích của các thành viên trong gia đình thường được giải quyết bởi tiếng nói cuối cùng của người lớn, bằng những lý lẽ - có phần chủ quan - cha mẹ sẽ ưu tiên cho một người con. Hoặ tạo điều kiện cho tất cả cùng có điều kiện phát triển.

So sánh khác với thí dụ đơn giản trên, sự dung hoà lợi ích của cuộc sống thực đơn xen và phức tạp hơn rất nhiều lần. Trong mô hình quản lý xã hội hiện đại, có hai yếu tố quan trọng luôn được đề cập tới. *Một*, Nhà nước là đơn vị cao nhất để giải quyết các mâu thuẫn, hoạt động theo luật pháp. *Hai*, dù dưới hình thức thể chế chính trị nào đi nữa, vai trò và tác động của người dân lên chính quyền cũng như các chính sách công là không được phép xâm phạm, như phương châm qua câu phát biểu nổi tiếng của tổng thống Hoa kỳ Abraham Lincoln, xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân (Government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the Earth).

Từ hai yếu tố trên, hình thành nhu cầu tất yếu: Một chính quyền của dân, do dân và vì dân thì không thể không lắng nghe dân nói, dù người dân đó thuộc tầng lớp nào, thành phần nào. Ngoài những lối minh hoạ, tán dương, khen thưởng, còn cần có góc nhìn trực diện vào những mặt khác nhau của vấn đề, góc nhìn qua lăng kính phản biện xã hội.

Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X, tại phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) và các đoàn thể nhân dân (ĐTND) có viết: “Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để MTTQVN và các ĐTND thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”.

Nếu không có sự giám sát, quyền lực có xu hướng được sử dụng để trở thành lợi ích. Đặc biệt trong điều kiện một Đảng cầm quyền như ở nước ta hiện nay, nhu cầu xây dựng các đoàn thể quần chúng trở thành người đại diện thật sự và có thẩm quyền của các tầng lớp nhân dân, có tiếng nói đối với Đảng, với mọi công việc của đất nước là một nhiệm vụ vô cùng cần thiết.

### *Làm sao hình thành văn hoá "tranh luận"*

Không nghi ngờ gì nữa, xã hội càng phát triển nhu cầu tranh biện càng trở nên tự nhiên như hơi thở trong cuộc sống. Tuy nhiên, việc áp dụng điều tự nhiên ấy vào quản lý xã hội lại là việc không đơn giản.

Ít nhất có ba vật cản về phạm trù tâm lý đối với PBXH: (1) Sự khó chịu thường tình với ai "trái ý". Người ta vẫn hay ca ngợi "Người hay cãi" nói chung nhưng vẫn ác cảm với "Người hay cãi" cụ thể ở trong đơn vị của mình, dưới quyền mình. Theo lối thông thường mọi người vẫn chuộng "lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau" hơn là "thẳng mực tàu đau lòng gỗ". (2) Sự lo ngại sẽ nảy sinh cái gì đó "bất ổn", ảnh hưởng đến vị thế của cá nhân hay cơ quan quyền lực. Lo lắng quá đáng chuyện phân biện xã hội dẫn đến phản kháng, gây mất ổn định, trong đa số các trường hợp xuất phát từ căn bệnh ích kỷ của người, của cấp đang có quyền lực. Mà căn bệnh ích kỷ ấy cũng rất tự nhiên, rất khó tránh. (3) Một yếu tố nữa rất chủ quan của mỗi người: Ngại việc. Ngại mất thời gian; ngại tốn tiền bạc (một cuộc trưng cầu dân ý dĩ nhiên là tốn kém, không thể làm tràn lan được). Và thường có tâm lý "Trăm người trăm ý, chắc gì đã hơn một người quyết".

Tiếp cận dưới cách nhìn lịch sử tiến hoá, có thể đưa ra một nhận xét khái quát: So với sinh vật thích nghi với môi trường trực tiếp bằng cơ thể, nên sự phát triển của chúng là thay đổi cấu tạo cơ thể để có thể thích nghi cao hơn. Con người thích nghi với môi trường bằng tư liệu sản xuất và những sản phẩm do mình chế tạo ra. Vì thế sự phát triển của con người nằm ở công đoạn cải tiến tư liệu sản xuất, mà động lực chính là thông qua trí tuệ.

Ở đây hai vế tương hỗ với nhau trong một bài toán đã dần dần rõ ràng đáp số. Vế thứ nhất, trí tuệ được hình thành qua quá trình cá nhân tự thu thập kiến thức từ bên ngoài vào, qua học tập, sách vở, cuộc sống...

Ngược lại, kiến thức được mở rộng, kế thừa, giao thoa... thông qua vế thứ hai, nằm ở quy trình ngược (freeback) của mỗi cá nhân khi họ đem sự hiểu biết của mình ra trao đổi. Nhờ tranh luận, phê bình, phản biện...

giúp gạt lọc những “hạt nhân hợp lý”, sao cho cái còn lại cuối cùng phù hợp nhất với khoa học và thực tiễn cuộc sống.

Khi chấp nhận trí tuệ đóng vai trò cốt lõi của sự phát triển (chúng ta vẫn đang hướng đến mục tiêu xây dựng nền kinh tế tri thức trong tương lai), thì sự khó chịu do ý kiến khác mình, là những lo ngại không cần thiết. Về mặt thực tiễn cuộc sống, ngay cả trong mô hình từng gia đình, các giải pháp áp đặt từ trên xuống của cha mẹ, thầy cô... hiện nay đã không còn mang lại hiệu quả như trước.

Thử suy nghĩ rộng ra xã hội: thay vì e ngại, áp đặt, ngăn cấm,... chúng ta nên hướng dẫn sự tranh luận, cách giải quyết mâu thuẫn trở thành những cuộc thảo luận chuyên nghiệp mà biểu hiện cao nhất của nó là sự phản biện. Phản biện xã hội chính là cách thức cân bằng tốt nhất đối với các “tập đoàn lợi ích”, giúp họ phản ánh tiếng nói của mình để những nhà quản lý, chính trị gia uốn nắn, điều chỉnh lại các chính sách cho phù hợp với đòi hỏi của quần chúng số đông.

Tuy không phản bác ý kiến nhận định người châu Á nói chung và người Việt Nam nói riêng thường mang nặng tâm lý “dĩ hoà vi quý”, “một tạ cái lý không bằng một tý cái tình”, nhưng không nên nghĩ vì thế mà chúng ta không thể tự tạo cho mình một môi trường văn hoá tranh luận phù hợp với tình hình đất nước hiện nay.

Bên cạnh những hạn chế về khía cạnh tâm lý xã hội và con người, chúng tôi cho rằng: Văn hoá tranh luận vẫn có thể được hình thành một cách có hệ thống nếu chúng ta tiếp cận vấn đề dưới một góc nhìn bao quát hơn, góc nhìn thông qua việc phân tích tác động chung của chính sách và cơ chế.

#### **IV- Vai trò của các lực lượng trong xã hội**

##### **1. Phản biện xã hội - Hình thức phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước**

###### ***1.1 Khái niệm, ý nghĩa của phản biện xã hội***

Biện luận và phản biện luận là một phương pháp tư duy phổ biến của con người từ cổ đại đến nay, là cách suy nghĩ, bàn cãi về một vấn đề qua những cách tiếp cận khác nhau, những chỗ đứng khác nhau, những góc độ khác nhau để đi đến kết luận đúng. Biện luận và phản biện luận thể hiện tư tưởng dân chủ và sinh hoạt dân chủ trong xã hội, là hình thức thể hiện phép biện chứng của triết học mác xít.

Hoạt động phản biện diễn ra phổ biến trong tranh tụng tại tòa án, trong nghiên cứu khoa học, trong việc đánh giá chất lượng các dự án quy

hoạch, kế hoạch kinh tế - xã hội, các công trình xây dựng, các dự thảo chính sách, chủ trương. Sự thẩm tra của các tổ chức giúp cơ quan quyền lực nhà nước đánh giá chất lượng các báo cáo, đề án của cơ quan quản lý hành chính nhà nước cũng mang tính chất phản biện.

Đạo đức của biện luận và phản biện luận là: dân chủ, tôn trọng ý kiến của người khác, trung thực, thẳng thắn, có ý thức đi tới sự thật, đi tới chân lý; có ý thức xây dựng, vì lợi ích chung của xã hội, của sự phát triển. Phản biện không phải chỉ bác bỏ, càng không phải là cố tình bác bỏ.

Phản biện xã hội là phản biện mang tính chất nhân dân, tính chất xã hội rộng rãi. Phản biện xã hội khác với phản biện trong tranh tụng tư pháp, phản biện trong nghiên cứu khoa học, phản biện trong việc thẩm định chất lượng các báo cáo, dự thảo đề án về chính sách, chủ trương. Chủ thể phản biện xã hội là dân, là các cá nhân công dân và các tổ chức của dân.

Phản biện xã hội nói lên sự phản hồi của xã hội đối với các hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, mà thông tin nhiều chiều, phản hồi thông tin là một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ thông tin dân chủ. Phản biện xã hội ở nước ta về thực chất là người dân, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp của dân góp sức với Nhà nước trong việc xây dựng các chính sách, chủ trương, chuẩn bị các quyết định của Nhà nước về chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Mục đích chính trị của sự phản biện xã hội ở nước ta là góp phần tạo ra và bảo đảm sự đồng thuận xã hội, sự đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đây là một hình thức, một biện pháp cụ thể thể hiện quyền của dân và ý thức trách nhiệm của dân đối với công việc chung của đất nước, của Nhà nước, thể hiện lòng tin của cơ quan lãnh đạo đối với mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng và Nhà nước với dân, tin ở trình độ chính trị của dân, mức độ hiểu biết của dân về lãnh đạo và quản lý.

Chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho dân thực hiện phản biện xã hội có căn cứ lý luận và thực tiễn là: phát hiện ra các mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn là động lực của phát triển nói chung. Dân chủ hóa lãnh đạo và quản lý là con đường tất yếu phải đi qua để đi tới công bằng, dân chủ, văn minh. Dân chủ theo tư tưởng “dân là gốc”, “dựa vào dân” là nguồn gốc của đoàn kết toàn dân tộc, của đồng thuận xã hội, của sức mạnh Việt Nam. Giám sát xã hội và phản biện xã hội được thực hiện đúng đắn, có chất lượng và hiệu quả là giải pháp có tính khoa học để nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo và quản lý.

Nội dung và phạm vi phản biện xã hội rất rộng, không loại trừ lĩnh vực nào trong hoạt động lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước, cố



nhiên là trừ những bí mật quốc gia, những công việc không được công bố cho toàn dân.

So với góp ý kiến, kiến nghị, nội dung và hình thức phản biện xã hội tuy có những nét tương đồng, nhưng không phải đồng nhất. Góp ý kiến, kiến nghị, phê bình, phản ánh ý kiến nhân dân là sáng kiến đơn phương, chủ yếu là của đối tượng chịu sự lãnh đạo, quản lý với chủ thể lãnh đạo, quản lý mà không có tranh biện. Nội dung góp ý kiến, kiến nghị không đòi hỏi phải nêu ra đầy đủ các luận cứ khoa học để chứng minh. Trong nhiều trường hợp chỉ để thể hiện nguyện vọng của bên kiến nghị, góp ý kiến. Việc chấp thuận ý kiến, kiến nghị tùy thuộc vào sự xem xét của phía nhận được kiến nghị.

Phản biện, với nhiều lý do và tác dụng của nó đối với hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội, ngày nay được thừa nhận là một trong những phong cách, lề lối làm việc mang tính khoa học cao, là bảo bối giúp nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh, là một trong những biện pháp để mở rộng dân chủ và tạo ra sự đồng thuận cao trong xã hội.

### ***1.2. Vai trò, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về phản biện xã hội***

Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ X đã khẳng định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có chức năng phản biện xã hội. Xuất phát từ nhận thức: *“Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”* (Văn kiện Đại hội X, tr.125), Đảng ta khẳng định: *“Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội”* (Văn kiện, tr.305).

Về mặt pháp lý, đến nay chưa có văn bản nào quy định chính thức quyền và trách nhiệm phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Còn trên thực tế, trong chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận cũng đã được pháp luật quy định những việc có tính chất tương tự như phản biện xã hội, có điều chúng được thể hiện lẫn trong các hoạt động giám sát và dân nguyện của Mặt trận Tổ quốc và dưới các hình thức *góp ý kiến, kiến nghị*. Đó là:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ... *“tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước”* (Điều 2, Luật MTTQ VN), *“Tổng hợp, nghiên cứu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước”* (Khoản 5, Điều 7, Luật MTTQ VN).

- *“Tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền; đề xuất kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân những vấn đề cần thiết”* (Khoản 2, Điều 11, Luật MTTQ VN).

- *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có quyền tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”* (Điều 3, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *“Góp ý kiến, kiến nghị với Đảng về chủ trương, đường lối, với nhà nước về chính sách, pháp luật và những vấn đề quốc kế dân sinh”* (Khoản 4, Điều 14, Điều lệ MTTQ VN); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, huyện, xã: *“Góp ý kiến, kiến nghị với cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp và cấp trên về những chủ trương, chính sách, pháp luật”* (Khoản 3, Điều 23, Khoản 2 Điều 24, Điều lệ MTTQ VN).

Nhiệm vụ phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân mà Đảng nêu ra tại Nghị quyết Đại hội X xét về bản chất công việc là một nhiệm vụ không hoàn toàn mới, về cơ bản gần giống với những hoạt động về góp ý kiến, kiến nghị với Đảng và Nhà nước mà Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đã thực hiện từ nhiều năm qua. Song, như đã nêu trên, phân biện xã hội là sự góp ý kiến ở mức độ cao hơn, sâu hơn đòi hỏi tổ chức thực hiện hoạt động phân biện xã hội phải tổ chức nghiên cứu một cách khoa học, nghiêm túc các dự thảo, các dự án, đề án trên cơ sở lý luận và thực tiễn để có kiến nghị phân biện xã hội xác đáng, còn người được phân biện phải xem xét việc tiếp thu hoặc không tiếp thu thì giải trình và trả lời cho tổ chức phân biện xã hội được biết thì điều này chưa có cơ chế thực hiện trên thực tế.

Do vậy, cần thiết phải *“Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt vai trò giám sát và phân biện xã hội. Các cấp ủy Đảng và cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật”* (Văn kiện Đại hội X, tr.124), *“Xây dựng quy chế giám sát và phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ”* (Văn kiện Đại hội X, tr.135).

Việc xây dựng và ban hành kịp thời các quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân là rất cần thiết và cấp bách. Khi được ban hành, đây sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát huy vai trò của mình trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

## 2. VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ TRONG THIẾT CHẾ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

### 2.1 Không có phản biện sẽ không có phát triển

Sẽ hiểu được rõ vai trò của báo chí trong cuộc sống hôm nay nếu thống kê những sự kiện tiêu cực lớn, những sai lầm được bung bít, những thủ đoạn gian manh được bảo kê mà các nhà báo phát hiện, phanh phui, đưa ra dư luận chiếm tỷ lệ thế nào so với cuộc đấu tranh từ bên trong tổ chức đẩy tới sự can thiệp của pháp luật.

Con số thống kê đó sẽ là minh chứng sống động nói lên sự góp sức rất đáng biểu dương của những nhà báo chân chính trong *“cuộc chiến đấu không lồ”* như Bác Hồ đã chỉ ra trong Di chúc, nhằm *“chống lại những gì đã cũ kỹ hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ tốt tươi”*.

Những nhà báo chân chính ấy đã thực hiện tốt chức năng phản biện xã hội của báo chí. Không có “phản biện” sẽ không có phát triển. Trong khoa học, điều ấy quá rõ vì khoa học là một chuỗi sai lầm được sửa chữa. Mà sửa chữa được, là nhờ có sự tranh luận nhằm phê phán cái sai và chấp nhận cái đúng, cái sai bị loại bỏ để cho cái đúng được tiếp tục đúng.

Nhưng đâu phải chỉ khoa học mới cần đến “phản biện”. Những “sai lầm được sửa chữa” ấy không kiêng dè, loại trừ bất cứ một lĩnh vực nào trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của một đất nước.

Như công cuộc “Đổi Mới” từng tạo ra một bước đột biến, đẩy tới sự phục hưng đất nước với Đại hội VI, thời điểm chín muồi của những tìm tòi quyết liệt kể từ 1979 với Nghị quyết 6 của BCH TƯ Đ [khóa 4], chẳng là một minh chứng sống động của “sai lầm được sửa chữa” đầy thôi!

Mọi chủ trương, chính sách, mọi chương trình kế hoạch không thể luôn luôn đúng. Nếu không thường xuyên bám sát cuộc sống, nương theo sự vận động, biến đổi và phát triển của cuộc sống để kịp thời điều chỉnh, sửa sai thì không thể tránh khỏi những thất bại.

Những thông tin phản hồi từ nhiều nguồn, chủ yếu là từ dưới lên, sẽ là tiền đề không thay thế được của sự điều chỉnh, sửa sai ấy. Báo chí với chức năng vốn có của mình sẽ phải đối diện với công việc đầy thách thức này.

Cùng với việc chuyển tải những chủ trương đường lối đến với mọi người, những thông điệp từ trên xuống, báo chí thực hiện chức năng chuyển tải những thông tin phản hồi từ dưới lên để góp phần quan trọng vào sự điều chỉnh và sửa sai ấy.

Hành trình nhận thức của con người là hành trình liên tục sửa sai. Vào thế kỷ XV, bằng đường biển, Christopho Colombo đến được châu Mỹ mà cứ ngỡ là Ấn Độ. Ông đã khẳng định đúng là “quả đất tròn”. Thế là từ 6 thế kỷ trước đây, cách nhìn trái đất phẳng theo hình vuông là một cái nhìn sai lầm đã bị vứt bỏ. “Quả đất tròn” chính là cái nhìn mới, hiện đại về thế giới vào lúc ấy. Thế nhưng, nay thì lại có một cái nhìn mới về quả đất của chúng ta, “ngôi nhà toàn cầu” đã trở nên quá chật chội với sự xuất hiện khái niệm “thế giới phẳng”.

Không phải là quả đất từ “tròn” được thượng đế ép lại cho trở thành “phẳng”, mà là thế giới chúng ta đang sống trở thành “phẳng” nhờ trí tuệ của con người, nhờ sự gắn kết toàn cầu của nôi mạng internet! Chẳng phải đi đường vòng, mà là trực diện, ngay tức thì, trước màn hình của máy vi tính.

Chiếc màn hình “phẳng” ấy đã kết nối những người ở khắp mọi nẻo đường của thế giới, tại những góc khuất nhất của trái đất, hay ngay giữa chôn phồn hoa đô hội, hoặc trong cabin máy bay đang bay ở độ cao mười nghìn mét, và xa hơn, trong khoang tàu vũ trụ.

Trên mặt phẳng của chiếc màn hình ấy, thế giới hiện ra như một biểu tượng của “thế giới phẳng”. Đó là “biểu tượng” về thành tựu kỳ diệu của cuộc cách mạng công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin, “với việc thêu dệt những sợi dây trí tuệ từ kính và sóng radio, loài người bắt đầu nối kết tất cả các khu vực, tất cả các quá trình, tất cả các khái niệm thành một hệ thống không lồ. Từ nền tảng mạng lưới trí tuệ phôi thai đó đã ra đời một nền tảng hợp tác cho nền văn minh của chúng ta” (Thomas L.Friedman).

## **2.2 Dòng thác đầy sinh khí khởi nguồn từ nhân dân**

Dưới tác động của cuộc cách mạng thông tin và mạng Internet, “ở mọi nơi, các hệ thống thứ bậc đang bị thách thức từ bên dưới và phải tự biến đổi thành các cấu trúc theo chiều ngang và có tính cộng tác hơn”.

Với mạng internet kết nối toàn cầu thì sự bùng nổ thông tin là chuyện không tưởng. Có khi, chính sự bùng nổ ấy lại gọi thêm sự tò mò đến người đọc tự tìm lấy thông tin cho mình qua mạng.

Bởi vậy, trong thời đại hiện nay, hơn bao giờ hết, báo chí có điều kiện thực hiện sứ mệnh cao quý của mình theo khát vọng của Các Mác báo

chỉ “là cái thể giới ý tưởng không ngừng trào ra từ thực tế hiện thực, lại chảy trở về hiện thực như một dòng thác đầy sinh khí”.

Chỉ có thể là dòng thác đầy sinh khí, khi “báo chí sống trong nhân dân và trung thực chia sẻ với nhân dân niềm hy vọng và nỗi lo lắng của họ, tình yêu và lòng căm thù của họ, niềm vui và nỗi buồn của họ”.

Vì, dòng thác đầy sinh khí đó chỉ có thể khởi nguồn từ trong cuộc sống của khối quần chúng nhân dân vĩ đại, cuộc sống kiên cường và nhẫn nại, có thể âm thầm và lặng lẽ nhưng cũng không thiếu những dồn dập, trào dâng, có thể giàu chất tráng ca song cũng không thiếu những khúc bi ca.

Chỉ có điều, dòng chảy của cuộc sống miệt mài không một phút giây ngừng nghỉ không là cái trước tiếp cái sau theo trình tự tuyến tính, mà luôn nảy sinh những nhân tố mới, những tương tác mới tạo ra khả năng hình thành những hợp trội không dự báo trước được.

Trật tự mới, tổ chức mới là do các thành phần liên kết, tương tác với nhau mà tạo thành, chứ không phải được lập nên do một mệnh lệnh nào từ bên ngoài hay từ bên trên quyết định. Cũng giống như tốc độ dòng sông được quyết định bởi sức cuộn chảy từ bên dưới, dòng sông cuộc sống cũng vậy.

Ý chí và sức mạnh của nhân dân rồi sẽ quyết định sự phát triển của chính nó. Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh rõ điều đó. Đâu phải chúng ta tự huyễn, một học giả nước ngoài đã từng đưa ra nhận định “lịch sử cổ xưa và hiện đại cho thấy khả năng kỳ lạ của đất nước này trong việc tìm ra những giải pháp độc đáo cho những vấn đề gặp phải” [Edouard De Penguilly].

Những “giải pháp độc đáo” ấy không là sản phẩm ngẫu nhiên, tình cờ mà là sự thể hiện bản lĩnh của dân tộc ta. Bản lĩnh ấy được hun đúc và rèn luyện trong trường kỳ dựng nước và giữ nước của ông cha ta, cái bản lĩnh “có cứng mới đứng được đầu gió” của một dân tộc ở vào một vị thế địa-chính trị không mấy dễ dàng của một bán đảo đầu cầu của vùng Đông Nam Á nằm ở ngã tư đường giao lưu quốc tế.

Bản lĩnh ấy đã từng quyết định số phận của đạo quân xâm lược từng kiểm soát một vùng lãnh thổ rộng lớn trải dài từ bờ Thái Bình Dương đến bên kia Hắc Hải ở thế kỷ XIII. Cái đế chế vốn được xây dựng trên lưng ngựa ấy lại bị đánh bại trên sóng biển Đông nơi cửa sông Bạch Đằng!

Và sóng Bạch Đằng không chỉ cuộn lên một lần trong lịch sử Việt Nam chống ngoại xâm. Báo chí cách mạng Việt Nam luôn được tiếp sức từ “dòng thác đầy sinh khí” đó để kịp thời dón lên tiếng chuông cảnh báo,

khởi động tinh thần yêu nước và ý chí quật cường của dân tộc nhằm chống trả kịp thời những mưu toan xâm hại đến chủ quyền đất nước.

Cùng với nhiệm vụ trọng đại đó, nhiều trang báo đã thực hiện một cách xuất sắc nhiệm vụ chuyển tải ý chí, nguyện vọng của nhân dân, phấn đấu quyết liệt để có thể “là con mắt sáng suốt của tinh thần nhân dân” như C.Mác đã yêu cầu.

Chỉ có thể trở thành “con mắt sáng suốt của tinh thần nhân dân”, chứ không là những bản sao lười nhác công văn chỉ thị dội từ trên xuống, khi mỗi nhà báo chân chính nhận thức được sứ mệnh lớn lao nhưng cũng cực kỳ gian khổ của họ để không lùi bước trước những thách thức.

### **2.3 Báo chí - “tấm gương tinh thần trong đó nhân dân nhìn thấy bản thân mình**

Dõi theo những phóng sự nóng bỏng, những thông tin giàu sức cảnh báo, với nội dung truyền cảm đầy tính thuyết phục mà để thu thập được, những người làm báo phải đổ mồ hôi sôi nước mắt, kể cả không loại trừ khả năng bị đe dọa đến tính mạng, sẽ hiểu ra được cuộc chiến đấu trên trận địa này không kém phần cam go.

Sự nhanh nhạy trong nắm bắt thông tin, tính chính xác trong nhìn nhận và phân tích sự kiện của một số nhà báo tài năng thể hiện trên nhiều trang của những tờ báo được công chúng đón chờ, đã thổi một luồng sinh khí vào đời sống xã hội.

Xã hội nhận ra ở đó cách nhìn thẳng vào sự thật và dám nói lên sự thật, phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, từ đó, tạo ra một áp lực của dư luận xã hội đấu tranh chống lại những tiêu cực, những trì trệ, thoái hóa biến chất đang kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Những trang báo, những cây bút ấy đã thực hiện tốt chức năng phân biện xã hội của báo chí. Người đọc thực sự biết ơn những cây bút trung thực và can đảm dám nói lên sự thật cho dù có phải trả giá đắt cho việc đó.

Thực hiện chức năng phản biện xã hội, báo chí đang góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội mà Nghị quyết Đảng đã đề ra. Đó là quá trình lấy đối thoại thay cho độc thoại, lấy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường thay cho độc quyền và đặc quyền “xin cho”.

Thói quen độc thoại tự dành cho mình quyền được độc quyền chân lý, áp đặt tư duy, tùy tiện quy kết, theo nguyên lý loại trừ, ai không nghe ta tức là chống ta. Còn đối thoại là biết lắng nghe, nhất là lắng nghe những tiếng nói trái tai, những ý kiến phản hồi có góc cạnh, nhằm làm phong phú thêm hiểu biết của mình để có thể loại cái giả, giữ cái thật theo nguyên lý bổ sung.

Tư duy hiện đại đã vượt qua sự cố chấp của “nguyên lý loại trừ” mà bước vào “nguyên lý bổ sung”: khuyến khích thái độ lắng nghe để tiếp nhận thông tin, nhằm làm cho tri thức của mình luôn luôn mới vì thế mà tạo dựng được phong cách ứng xử khoan dung, cởi mở, thúc đẩy sự hòa hợp, tin cậy lẫn nhau.

Không có đối thoại cởi mở và thẳng thắn thì không thể có phản biện xã hội lành mạnh nhằm tạo ra động lực của phát triển. Mục tiêu của phản biện xã hội mà báo chí đang phấn đấu thực hiện là nhằm tạo nên sự đồng thuận xã hội. Đồng thuận xã hội là động lực của sự phát triển xã hội, đồng thuận càng cao thì sự phát triển càng bền vững.

Đất nước ta đang đối diện với những thách thức cam go từ biển, từ trời, từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những hiểm họa do môi trường bị tàn phá, mỗi một người Việt Nam yêu nước đều khát khao được góp phần mình vào nhiệm vụ chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hơn lúc nào hết càng thấm thía lời căn dặn của Bác Hồ: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”.

Thực hiện sứ mệnh cao cả của mình, báo chí có một vai trò không thể thay thế được trong cuộc chiến đấu khổng lồ đó để phấn đấu sao cho mỗi trang báo phải là “tấm gương tinh thần trong đó nhân dân nhìn thấy bản thân mình”.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Đăng Tuấn, Phản biện xã hội

Nguyễn Trần Bạt, Vài nét về phản biện xã hội

Trần Đăng Tuấn, Phản biện xã hội – Một số vấn đề chung

Nguyễn Xuyên, Phản biện xã hội - Nội dung, ý nghĩa và giá trị

Nguyễn Chính Tâm, Phản biện xã hội và sự phát triển của Việt Nam

Kiên Định, Phản biện xã hội - Nhân tố quan trọng của phát triển